

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG  
KHOÁN KB VIỆT NAM  
*KB SECURITIES VIETNAM*  
*JOINT STOCK COMPANY*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
*THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*  
*Independence - Freedom - Happiness*

Số: 108/BC-KBSV

Hà Nội, ngày 20 tháng 4... năm 2022

No. 108/BC-KBSV

Hanoi, month 20 day...4. year 2022

**BÁO CÁO/ANNUAL REPORT**  
**Thường niên năm 2021/Year 2021**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam/  
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội/ Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh/  
Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

To: *State Securities Commission/ Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Ho Chi Minh*  
*City Stock Exchange/ Vietnam Securities Depository*

**I. Thông tin chung/General information**

**1. Thông tin khái quát/General information**

- Tên giao dịch/*Trading name*: Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam/ *KB Vietnam Securities Joint Stock Company*
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Business Registration Certificate No.*:  
Giấy phép hoạt động số 77/UBCK – GPĐKD của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 11/06/2008 và các Giấy phép điều chỉnh cập nhật theo từng thời điểm/ *License No. 77/UBCK – GPĐKD of the State Securities Commission, issued on 11/06/2008 and the updated adjusted Licenses.*
- Vốn điều lệ/*Charter capital*: 3.001.686.130.000 đồng/ VND 3,001,686,130,000
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Owner's capital*:
- Địa chỉ/*Address*: Tầng G, Tầng M, tầng 2 & 7 Tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội/ *Level G, Level M, Level 2<sup>nd</sup> & 7<sup>th</sup> Sky City Tower, 88 Lang Ha, Dong Da, Hanoi*
- Số điện thoại/*Telephone*: (84) 24 7303 5333



- Số fax/Fax: (84) 24 3776 5928
- Website: <https://www.kbsec.com.vn/>
- Mã cổ phiếu (nếu có)/Securities code (if any):
- Quá trình hình thành và phát triển/*Establishment and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/*Date of establishment, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).

Năm/ Year	Sự kiện/ Event
2008	<p>Tiền thân là Công ty CP Chứng khoán Standard (“SSJ”), SSJ được thành lập tháng 6 năm 2008 có vốn điều lệ 35 tỷ đồng.</p> <p><i>Officially started operations in June 2008 under the old name of Standard Securities Joint Stock Corporation (“SSJ”) with an initial capital of VND 35 billion (USD 2 million).</i></p>
2010	<p>Tăng vốn lên 300 tỷ đồng. Nhận giấy phép bổ sung nghiệp vụ kinh doanh bao gồm Tự doanh, Tư vấn tài chính và Bảo lãnh phát hành.</p> <p><i>Increased chartered capital to VND 300 billion (USD 15 million). Granted license for additional services: Proprietary Trading, Investment Banking Advisory and Securities Underwriting.</i></p>
2011	<p>Đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank (“MSBS”) theo giấy phép điều chỉnh của UBCK vào tháng 3 năm 2011 và chuyển trụ sở chính từ Thành phố Vũng Tàu ra Hà Nội tại địa chỉ 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.</p> <p><i>Renamed the Company as Maritime Bank Securities (“MSBS”) under approval of the State Securities Commission in March 2011. Moved headquarter from Vung Tau City to Hanoi. MSBS has been then headquartered at 88 Lang Ha Street, Dong Da district, Hanoi as it is today.</i></p>
2012	<p>Sở Giao dịch MSI được tách bạch và khai trương tại Tầng 1, Sky City, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội với cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, thuận tiện cho nhà đầu tư.</p>

	<p><i>MSI Exchange was officially opened at 1st floor, Sky City, 88 Lang Ha, Dong Da, Hanoi, and suited the convenience of investors with spacious and modern facilities.</i></p>
2013	<p>Khai trương Chi nhánh TP Hồ Chí Minh tại địa chỉ Tầng 2, Tòa nhà TNR Tower, 182-190 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh vào tháng 7 năm 2013</p> <p><i>In July 2013, Ho Chi Minh branch was officially opened at level 2, TNR Tower, 182-190 Nguyen Cong Tru, District 1, Ho Chi Minh City.</i></p>
2014	<p>Khai trương Chi nhánh Hà Nội tại Tầng 9, Tòa nhà TNR Tower, 115 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.</p> <p><i>Opened third branch in Hanoi CBD at Level 9, 115 Tran Hung Dao St, Hoan Kiem, Hanoi.</i></p> <p>Thành lập Trung tâm Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (IBD) tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chi tính riêng năm 2014, MSI đã huy động thành công trên 12 ngàn tỷ đồng vốn trái phiếu cho các doanh nghiệp thông qua tư vấn, dựng sổ, bảo lãnh phát hành.</p> <p><i>Established another investment banking division in Ho Chi Minh City. MSI successfully raised over VND 12,000 billion (US\$ 600million) value corporate bonds for its corporate clients in 2014.</i></p> <p>Số lượng khách hàng đạt 32.000 tài khoản và thị phần môi giới đạt 2,5%, đứng vị trí 15 tính theo giá trị trên cả 2 SGD chứng khoán HSX và HNX.</p> <p><i>Number of retail client accounts reached 32.000 and market share in listed securities trading value surpassed 2,5%, ranking 15th on both HSX and HNX.</i></p> <p>MSI được HSX vinh danh là Công ty chứng khoán có số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tăng trưởng tốt nhất 2014.</p> <p><i>MSI was awarded by HSX as the securities company with strongest growth in client trading account in 2014.</i></p>
2015	<p>Đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime “MSI” theo quyết định điều chỉnh số 35/GPDC-UBCK vào ngày 7 tháng 8 năm 2015.</p> <p><i>Renamed the Company as Maritime Securities Incorporation (“MSI”) as approved under Adjustment License No.35/GPDC-UBCK dated 7<sup>th</sup> August 2015 of the State Securities Commission (SSC).</i></p>

	<p>Lọt vào Top 10 thị phần môi giới chứng khoán tại HNX từ Quý 3/2015, Top 10 thị phần môi giới chứng khoán tại sàn Upcom và Top 10 thị phần môi giới trái phiếu tại HSX.</p> <p><i>Became a Top 10 broker in listed stock at Hanoi Stock Exchange (HNX) and UPCOM and Top 10 broker in listed bond at Ho Chi Minh Securities Exchange (HSX).</i></p> <p>Diễn đàn M&amp;A 2015 vinh danh MSI với giải thưởng “Nhà tư vấn M&amp;A tiêu biểu 2014 – 2015” vào tháng 8/2015.</p> <p><i>Awarded a winner by Vietnam M&amp;A Forum for Outstanding M&amp;A advisor 2014-2015.</i></p> <p>MSI tiếp tục được HSX vinh danh là Công ty chứng khoán có số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tăng trưởng tốt nhất 2015.</p> <p><i>For a second year, MSI was awarded by HSX as the securities company with strongest growth in client trading accounts.</i></p>
2016	<p>Trở thành công ty đại chúng vào tháng 5/2016. Duy trì vị trí Top 10 môi giới trên Sở GDCK Hà Nội cho cả năm 2016. Diễn đàn M&amp;A 2016 tiếp tục vinh danh MSI với giải thưởng "Nhà tư vấn M&amp;A tiêu biểu 2015-2016" vào tháng 8/2016.</p> <p><i>Maintained a Top 10 broker ranking in listed securities at Hanoi Stock Exchange 2016. Awarded a winner by Vietnam M&amp;A Forum for Outstanding M&amp;A advisor 2015-2016 for the second year.</i></p>
2017	<p>9/10/2017: MSI chính thức trở thành thành viên của Công ty TNHH Chứng khoán KB (Hàn Quốc) và Tập đoàn Tài chính KB (Hàn Quốc).</p> <p><i>9<sup>th</sup> October 2017: MSI became a member of KB Securities and KB Financial Group (Korea).</i></p>
2018	<p>17/01/2018: MSI chính thức đổi tên thành CTCP Chứng khoán KB Việt Nam (KBSV).</p> <p><i>Renamed as KB Securities Vietnam (KBSV) as approved under Adjustment License No. 07/GPDC - UBCK dated 17th January 2018 of the State Securities Commission (SSC).</i></p> <p>14/12/2018: KBSV chính thức tăng vốn điều lệ lên 1.107.078.600.000 đồng</p>



	<p><i>KBSV officially increased its Charter capital to VND 1,107,078,600,000 on 14th Dec 2018.</i></p>
2019	<p>08/01/2019: Khai trương Chi nhánh Sài Gòn tại địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh</p> <p><i>08th January 2019: Sai Gon Branch (fourth branch) was officially opened at Level 1, Saigon Trade Center, 37 Ton Duc Thang, District 1, Ho Chi Minh.</i></p> <p>21/02/2019: KBSV chính thức tăng vốn điều lệ lên 1.675.020.900.000 đồng. Lọt Top 10 Công ty Chứng khoán có vốn điều lệ lớn nhất Việt Nam.</p> <p><i>21st February 2019: KBSV continuously increased its Charter Capital to VND 1.675.020.900.000, becoming one of Top 10 Biggest Owners' capital Securities Companies.</i></p> <p>08/2019: KBSV chính thức trở thành thành viên giao dịch phái sinh tại sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)</p> <p><i>August 2019: KBSV become Derivative member of Ha Noi Stock Exchange (HNX)</i></p> <p>Quý 4/2019: KBSV chính thức lọt Top 10 thị phần môi giới trên sàn giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE)</p> <p><i>Q4 2019: Became a Top 10 broker in listed stock at Ho Chi Minh Stock Exchange (HOSE)</i></p>
2020	<p>25/03/2020: KBSV điều chỉnh địa chỉ Chi nhánh Sài Gòn thành: Tầng 1 và tầng 15, Sài Gòn Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh</p> <p><i>March 25<sup>th</sup>, 2020: KBSV adjusts the address of Saigon Branch to: 1<sup>st</sup> and 15<sup>th</sup> floors, Saigon Trade Center, 37 Ton Duc Thang, Ben Nghe Ward, District 1, City. Ho Chi Minh</i></p> <p>20/08/2020: KBSV điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán về việc sửa đổi địa điểm trụ sở chính thành: Tầng G, M, 2&amp;7 Tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội</p> <p><i>August 20<sup>th</sup>, 2020: KBSV adjusts the License for Establishment and Operation of a Securities Company to change the location of head office to: Level G, M, 2 &amp; 7 Sky City Tower, 88 Lang Ha, Dong Da, Hanoi</i></p> <p>Giải thưởng "Thành viên tiêu biểu HNX 2020" do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội trao tặng</p> <p><i>Award "Typical Member of HNX 2020" awarded by Hanoi Stock Exchange</i></p>

2021	<p>01/06/2021: KBSV điều chỉnh địa chỉ Chi nhánh Hà Nội thành: Tầng 1, Tầng 2, Số 05 Điện Biên Phủ, phường Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội</p> <p><i>01/06/2021: Adjust the address of Hanoi Branch to: 1st Floor, 2nd Floor, No. 05 Dien Bien Phu, Dien Bien Ward, Ba Dinh, Hanoi</i></p> <p>30/12/2021: KBSV chính thức tăng vốn điều lệ lên 3.001.686.130.000 đồng</p> <p><i>December 30<sup>th</sup>, 2021: KBSV officially increased its charter capital to VND 3,001,686,130,000</i></p>
------	---

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/Business lines and locations of the business:*

- *Ngành nghề kinh doanh/Business lines: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years)*

- *Môi giới chứng khoán/ Stockbroker;*
- *Tự doanh chứng khoán/ Self-trading in securities;*
- *Bảo lãnh phát hành chứng khoán/ Underwriting securities;*
- *Tư vấn đầu tư chứng khoán/ Securities investment consulting;*
- *Chứng khoán Phái sinh/ Derivative securities;*
- *Lưu ký chứng khoán/ Securities depository*

- *Địa bàn kinh doanh/Location of business: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years).*

- **Trụ sở chính/ Head Office**

*Địa chỉ/ Address: Tầng G, tầng M, tầng 2 và tầng 7, tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội/ Level G, M, 2<sup>nd</sup> & 7<sup>th</sup> Sky City Tower, 88 Lang Ha, Dong Da, Hanoi.*

*Tel: (84) 24 7303 5333 - Fax: (84) 24 3776 5928*

*Website: <https://www.kbsec.com.vn/>*

- **Chi nhánh Hà Nội/ Hanoi Branch**

*Địa chỉ/ Address: Tầng 1, Tầng 2, số 5 Điện Biên Phủ, Phường Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội/ 1<sup>st</sup> floor, 2<sup>nd</sup> floor, 5 Dien Bien Phu, Dien Bien ward, Ba Dinh, Hanoi*

Tel: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

• **Chi nhánh TP Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Branch**

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh/ 2<sup>nd</sup> floor, TNR Tower Nguyen Cong Tru, 180-192 Nguyen Cong Tru, District 1, Ho Chi Minh City

Tel: (84) 28 7303 5333 - Fax: (84) 28 3914 1969

• **Chi nhánh Sài Gòn/ Sai Gon Branch**

Địa chỉ: Tầng 1 và Tầng 15, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, TP Hồ Chí Minh/ 1<sup>st</sup> and 15<sup>th</sup> Floor, Saigon Trade Center, 37 Ton Duc Thang, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City

Tel: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/Information about governance model, business organization and managerial apparatus

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp)/Governance model (as stipulated in Article 137 of the Law on Enterprises): Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát/ General Meeting of Shareholders, Board of Directors and Board of Supervisors.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/Management structure.

3.1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors

STT/ No.	Thành viên HĐQT/ BOD Member's name	Chức vụ / Position	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm Appointment/Resignation Date
1	Ông/ Mr. Park Chunsoo	Chủ tịch HĐQT/ Chairman of BOD	Ngày bổ nhiệm/ Appointment date 16/04/2020 Ngày tái bổ nhiệm/ Re- appointment date 23/04/2021
2	Ông/Mr. Jeon Mun Cheol	Thành viên HĐQT/ Member of BOD	Ngày bổ nhiệm/ Appointment date 23/04/2021

3	Ông/Mr. Oh Cheolwu	Thành viên HĐQT/ <i>Member of BOD</i>	Ngày bổ nhiệm/ <i>Appointment date</i> 16/04/2020 Ngày tái bổ nhiệm/ / <i>Re-appointment date</i> 23/04/2021
4	Ông/Mr. Byoung Jo Chun	Thành viên HĐQT/ <i>Member of BOD</i>	Ngày bổ nhiệm/ <i>Appointment date</i> 16/04/2020 Ngày tái bổ nhiệm/ / <i>Re-appointment date</i> 23/04/2021
5	Ông/Mr Lee Hwang In	Thành viên HĐQT/ <i>Member of BOD</i>	Ngày bổ nhiệm/ <i>Appointment date</i> 16/04/2020 Ngày tái bổ nhiệm/ <i>Re-appointment date</i> 23/04/2021
6	Ông/Mr Shin Jhintaek	Thành viên HĐQT/ <i>Member of BOD</i>	Ngày bổ nhiệm/ <i>Appointment date</i> 16/04/2020 Ngày tái bổ nhiệm/ <i>Re-appointment date</i> 23/04/2021
7	Ông/ Mr Nguyễn Đức Hoàn	Thành viên HĐQT/ <i>Member of BOD</i>	Ngày miễn nhiệm/ <i>Resignation Date</i> 08/01/2021

### 3.2. Ban Giám đốc/ *Board of Management*

STT/ No.	Thành viên Ban Giám đốc/ <i>Member's name</i>	Ngày tháng năm sinh/ <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn/ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban Giám đốc/
-------------	--	---	---	--

				(Appointment/Dismissal Date)
1	Ông/ Mr Jeon Mun Cheol – Quyền Tổng Giám đốc/ Acting Chief Executive Officer	12/09/1966	Cử nhân kinh tế - Đại học Chung Ang/ Bachelor of Economics - Chung Ang University	Ngày bổ nhiệm/ Appointment Date 24/05/2021
2	Ông/Mr Shin Jhintack – Giám đốc tài chính/ Chief Financial Officer	11/07/1973	Cử nhân Kế toán – Đại học Kyunghee/ Bachelor of Accounting – Kyunghee University	Ngày bổ nhiệm/ Appointment Date 22/10/2019
3	Ông/Mr Oh Cheolwu – Quyền Tổng Giám đốc/ Acting Chief Executive Officer	04/10/1972	Cử nhân Kinh tế – Đại học Quốc gia Seoul/ Bachelor of Economics – Seoul National University	Ngày bổ nhiệm/ Appointment Date 08/01/2021 Ngày từ nhiệm/ Resignation Date 24/05/2021
3	Ông/Mr Nguyễn Đức Hoàn – Tổng Giám đốc/ Chief Executive Officer	19/07/1974	Thạc sỹ Tài chính - Đại học Westminster - Anh (2003)/ Master of Finance - Westminster University of Westminster - UK (2003)	Ngày từ nhiệm/ Resignation Date 08/01/2021

### 3.3. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors

Stt No.	Thành viên BKS <i>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>
1	Bà/Ms Dư Thị Linh Chi	Thành viên Ban Kiểm soát/ <i>Member of Board of Supervisors</i>	Ngày bổ nhiệm/ <i>Date of Appointment</i> 23/04/2021	Cử nhân tiếng Anh, Viện Đại học Mở Hà Nội Cử nhân kế toán tổng hợp, Đại học kinh tế quốc dân <i>Bachelor of English, Hanoi Open University Bachelor of General Accounting, National Economics University</i>
2	Bà/Ms Nguyễn Mai Hương	Trưởng Ban Kiểm soát/ <i>Head of Board of Supervisors</i>	Ngày bổ nhiệm / <i>Date of Appointment</i> 23/04/2021	Cử nhân kế toán, Đại học kỹ thuật công nghiệp – Đại học Thái Nguyên <i>Bachelor in Accounting, University of Industrial Technology – Thai Nguyen University</i>
3	Ông/Mr Jo Jong Bum	Thành viên Ban Kiểm soát/ <i>Member of Board of Supervisors</i>	Ngày bổ nhiệm / <i>Date of Appointment</i> 23/04/2021	Cử nhân Quản trị kinh doanh - Trường Hankuk University of Foreign Studies <i>Bachelor in Management Business Administration, Hankuk</i>



				<i>University of Foreign Studies</i>
4	Bà/Ms Phan Lê Hương Lan	Thành viên Ban Kiểm soát/ <i>Member of Board of Supervisors</i>	Ngày từ nhiệm / <i>Date of resignation</i> 23/04/2021	Cử nhân Luật Thương mại quốc tế - Đại học Luật Hà Nội <i>Bachelor in International Trade and Business Law, Hanoi Law University</i>
5	Bà/Ms Phạm Phương Ly	Thành viên Ban Kiểm soát/ <i>Member of Board of Supervisors</i>	Ngày từ nhiệm / <i>Date of resignation</i> 23/04/2021	Cử nhân Kế toán Đại học Bách khoa Hà Nội <i>Bachelor in Accounting, Hanoi University of Science and Technology</i>
6	Ông/ Mr. Rho Seung Joon	Thành viên Ban Kiểm soát/ <i>Member of Board of Supervisors</i>	Ngày từ nhiệm / <i>Date of resignation</i> 23/04/2021	Cử nhân Luật – Đại học quốc gia Seoul, Hàn Quốc <i>Bachelor in Law, Seoul National University</i>

- Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/*Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership percentages of the Company in such subsidiaries, associated companies*): Không có/ *None*

#### 4. Định hướng phát triển/*Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/*Main objectives of the Company*

Với mục tiêu duy trì vị thế hiện tại của KBSV là tổ chức tài chính hàng đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam và vươn ra thị trường toàn cầu, KBSV sẽ tiếp tục đổi mới hoạt động và đa dạng hóa sản phẩm. Chúng tôi nhận ra rằng khách hàng là động lực chính dẫn đến thành công của chúng

tôi với sự cam kết và cùng phát triển lâu dài. Nhiều giải pháp công nghệ sẽ được bổ sung để tăng tiện ích cho khách hàng của chúng tôi.

*With the goal of maintaining KBSV's current position as a leading financial institution in the Vietnam stock market and reaching out the global market, KBSV will continue to innovate its operation and product diversification. We recognize that customer is a key driver of our success with a long-term commitment and co-development. Many technological solutions will be added to increase utility for our clients.*

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/*Development strategies in medium and long term:*

- Sứ mệnh của KBSV là nâng cao trải nghiệm của khách hàng về dịch vụ tài chính và sự hài lòng của họ đối với các sản phẩm và dịch vụ của chúng tôi. Chúng tôi không ngừng theo đuổi hạnh phúc của khách hàng bằng sự phục vụ chân thành từ trái tim;

*The mission of KBSV is to enhance customers' experience of the financial service and their satisfaction with our products and services. Ultimately, we constantly pursue the happiness of our customers with sincere service from all our hearts;*

- KBSV is going to be the digital securities company with the best cutting-edge technologies. Furthermore, KBSV will provide the qualified and latest investment contents to support our valuable customers. We continuously invest a high amount of capital to build a sustainable system for the investors and would be the most innovative securities company in Vietnam.

*KBSV sẽ trở thành công ty chứng khoán kỹ thuật số với những công nghệ tiên tiến nhất. Hơn nữa, KBSV sẽ cung cấp các nội dung đầu tư đủ tiêu chuẩn và hiện đại nhất để hỗ trợ quý khách hàng của chúng tôi. Chúng tôi liên tục đầu tư số vốn lớn để xây dựng một hệ thống bền vững cho các nhà đầu tư với mục tiêu trở thành công ty chứng khoán sáng tạo nhất tại Việt Nam.*

- Chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*The main program related to the short and medium term of the Company:*

- KBSV cũng sẽ tập trung phát triển chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu ngày càng thay đổi của thị trường; tạo ra một môi trường làm việc trong đó mỗi cá nhân được khuyến khích thể hiện tối đa khả năng của mình để đóng góp cho công ty;

*KBSV will also focus on developing quality of human resources to meet the increasingly changing demands of the market; creating a working environment in which each individual is encouraged to contribute their best work to the company;*

- Quản lý chi phí và rủi ro nên được thực hiện chặt chẽ hơn để cải thiện hoạt động tài chính; *Cost and risk management should be practiced more tightly to improve financial performance;*
- KBSV tin rằng xây dựng thương hiệu uy tín cùng với hiệu quả hoạt động là phương pháp tốt nhất để tối đa hóa lợi ích của cổ đông. Với sự hỗ trợ tuyệt đối từ công ty mẹ KB Financial Group, KBSV kỳ vọng sẽ trở thành một trong những công ty hàng đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam và thị trường quốc tế.

*KBSV believes that building a reputable brand together with operational efficiencies is the best practice to maximize shareholders' benefits. With the absolute support from the holding company, KB Financial Group, KBSV expects to become one of the leading firms in Vietnam's stock market and international market.*

5. Các rủi ro/Risks: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, ...)/Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).

<b>Rủi ro thị trường</b>	<b>Rủi ro tín dụng</b>	<b>Rủi ro thanh khoản</b>	<b>Rủi ro pháp lý</b>	<b>Rủi ro hoạt động</b>
- Nhận diện: Là rủi ro làm thay đổi giá trị các tài sản mà KBSV đang sở hữu (nắm giữ) theo chiều hướng bất lợi.  - Quản trị: Công tác theo dõi cập nhật tình hình thị trường, tình hình	- Nhận diện: Là rủi ro xảy ra khi đối tác của KBSV không thể thanh toán đúng hạn, không có khả năng thanh toán đầy đủ (gốc, lãi) hoặc không chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết, tài sản	- Nhận diện: Là rủi ro xảy ra khi KBSV không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Rủi ro này phát sinh khi công ty không cân đối được dòng vốn đầu vào và dòng vốn đầu ra.	- Nhận diện: Là rủi ro xảy ra khi không tuân thủ các quy định của pháp luật vì lý do chủ quan hay khách quan dẫn đến KBSV bị áp dụng các chế tài xử lý của các cơ quan có thẩm quyền hoặc khách hàng	- Nhận diện: Là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư,

<p>cổ phiếu và dự báo sớm được các đơn vị phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả. KBSV đẩy mạnh việc giám sát cảnh báo rủi ro thị trường thông qua xây dựng các mô hình và kịch bản ứng phó với rủi ro trong từng điều kiện biến động.</p>	<p>không thanh khoản.</p> <p>- Quản trị: Để kiểm soát hiệu quả rủi ro thanh toán, KBSV thực hiện tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quy trình dịch vụ tài chính, rà soát danh mục cho vay thường xuyên, sử dụng các công cụ báo cáo giám sát tự động để kiểm soát chất lượng các khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng.</p>	<p>- Quản trị: KBSV luôn chú trọng điều hành hoạt động nguồn vốn nhằm đảm bảo thanh khoản và hiệu quả về chi phí. KBSV tăng cường thiết lập quan hệ với các ngân hàng uy tín trong nước và tăng vốn góp của chủ sở hữu từ công ty mẹ (Công ty TNHH Chứng khoán KB) để đảm bảo nguồn vốn ổn định và luôn dự phòng hạn mức giải ngân linh hoạt kịp thời. Hệ thống các tiêu chí và báo cáo giám sát thanh khoản, giám sát hiệu quả sử dụng vốn được thiết lập để giám sát hằng ngày theo tần suất phù hợp,</p>	<p>khiếu kiện gây tổn thất cho KBSV (tài sản, con người, danh tiếng, thương hiệu).</p> <p>- Quản trị: Công ty đã thành lập bộ phận Pháp chế thuộc Khối Kiểm soát nội bộ. Bộ phận Pháp chế có trách nhiệm soạn thảo, soát xét hầu hết các thỏa thuận, Hợp đồng, văn bản, giấy tờ của công ty; cập nhật, phổ biến, đào tạo chính sách pháp luật cho toàn thể cán bộ nhân viên công ty. Ngoài ra, nhân sự bộ phận Pháp chế thường xuyên được tạo điều kiện học hỏi, tập huấn nâng cao kiến thức pháp lý</p>	<p>hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.</p> <p>- Quản trị: Công ty đã thành lập bộ phận Kiểm soát nội bộ có trách nhiệm theo dõi các hoạt động hằng ngày của các bộ phận khác trong công ty thông qua việc ban hành các Quy trình chi tiết cho từng nghiệp vụ; thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung quy trình và thực hiện các đợt kiểm tra chi nhánh nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời những trường hợp vi phạm trong hoạt động hằng ngày của toàn thể công ty và đảm bảo việc tuân thủ quy chế,</p>
--	--	---	--	---

		hỗ trợ Ban lãnh đạo ra quyết định kinh doanh nhanh chóng, hạn chế rủi ro.	nhằm bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, tăng cường hiệu quả trong hoạt động hằng ngày.	quy trình của toàn bộ nhân sự công ty.
--	--	---	---	--

<b>Market risk</b>	<b>Credit risk</b>	<b>Payment risk</b>	<b>Legal risk</b>	<b>Operation risk</b>
<p>- <i>Definition:</i> Market risk is the risk that the value of KBSV's assets will change in a negative way.</p> <p>- <i>Risk management methodology:</i> Departments coordinate closely and effectively to monitor, update and forecast the market situation and stock situation. KBSV monitors and notices market risk by developing risk models and</p>	<p><i>Definition:</i> Credit risk is the risk that occurs when KBSV's counterparty cannot make full payment (including principle and interest) on time or fall to deliver assets on time as committed; or the assets are illiquid.</p> <p>- <i>Risk management methodology:</i> In order to effectively control credit risk, KBSV strengthens the application of</p>	<p><i>Definition:</i> Payment risk is the risk that KBSV is not able to pay its financial obligations when they come to maturity. Payment risk arises when the company fails to balance cash flows.</p> <p>- <i>Risk management methodology:</i> KBSV always focuses on operating capital activities to ensure the liquidity and cost effectiveness.</p>	<p>- <i>Definition:</i> Legal risk is the risk that occurs when the company does not comply with the provisions of the law for subjective or objective reasons, leads to KBSV being applied sanctions of the competent authorities or the customer complains, causes damage for KBSV (property, people, reputation, brand).</p>	<p>- <i>Definition:</i> Operation risk is the risk that occurs due to technical errors, system and business process errors, human errors in the operation process, or lack of business capital arising from expenses or losses from investment activities, or due to other objective reasons.</p> <p>- <i>Risk management methodology:</i> The Company has established</p>

<p>response for each scenario in volatile condition.</p>	<p>information technology in financial service process management, regularly reviews loan portfolios, uses automatic monitoring reporting tools to control the quality of customers' margin transactions.</p>	<p>KBSV strengthens relationships with reputable banks within Vietnam and increases the owner's capital contribution from the parent company (KB Securities Company Limited) to ensure a stable capital source and always reserve the disbursement limit and time flexibility. The system of reports to monitor the liquidity and the capital efficiency is set up for daily monitoring at an appropriate frequency, and supports the Board of Directors to make quick</p>	<p>- Risk management methodology: The Company has established a Legal department under the Internal Control Division. The Legal Department is responsible for drafting and reviewing most agreements, contracts, documents; updating, disseminating and training legal policies for all employees of the company. In addition, the staff of the Legal Department are regularly facilitated to learn and train to improve legal knowledge in order to improve</p>	<p>an Internal Control department that is responsible for monitoring the daily activities of other departments in the company through the issuance of detailed procedures for each business; regularly review, amend and supplement processes and carry out branch inspections to detect, prevent and promptly handle violations in daily operations of the entire company and ensure compliance with regulations and procedures of all company personnel.</p>
--	---	--	--	--



		<i>business decisions while limiting risks.</i>	<i>professional skills and increase efficiency in daily operations.</i>	
--	--	---	---	--

## II. Tình hình hoạt động trong năm/*Operations in the Year*

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/*Situation of production and business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/*Results of business operations in the year:*  
 Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp,... /*Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc.*

Năm 2021, kết quả kinh doanh của KBSV khá quan doanh thu đạt 945.339.973.970 đồng, tăng 1.47 lần so với năm 2020. Lợi nhuận trước thuế đạt 300.989.940.829 đồng, tăng 1.53 lần so với năm 2020. Tính tới thời điểm cuối năm 2021, tổng tài sản của KBSV đạt 8.812.813.586.350 đồng, gấp 1.47 lần so với năm 2020. Một số chỉ tiêu tăng trưởng nổi bật như sau:

*In 2021, KBSV's business performance was relatively positive, revenue reached VND 945,339,973,970 and increased 1.47 times compared to 2020. Total profit before tax of KBSV reached VND 300,989,940,829 increased 1.53 times compared to 2020. In the end of 2021, total assets of KBSV reached VND 8,812,813,586,350, increased 1.47 times compared to 2020. Some outstanding growth indicators are as follows:*

*Đơn vị: đồng/ Unit: dong*

<b>CHỈ TIÊU/INDICATOR</b>	<b>2020</b>	<b>2021</b>	<b>Tỷ lệ/ Ratio (%)</b>
Vốn điều lệ/ Charter capital	1.675.020.900.000	3.001.686.130.000	
Tổng doanh thu/ Total revenue	644.992.863.103	945.339.973.970	46.57

Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	197.287.103.927	300.989.940.829	52.56
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	166.903.986.707	240.632.522.489	44.17

\*Nguồn: BCTC năm 2021 đã được kiểm toán của KBSV/ \*Source: Audited financial statements for 2021 of KBSV

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/*Implementation situation/actual progress against the plan*: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề/*Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/achievement/excess of the targets and against the preceding years.*

Kế hoạch kinh doanh KBSV đề ra cho năm 2021 như sau/ *The business plan of KBSV for 2021 is as follows:*

Đơn vị: triệu đồng/ *Unit: million dong*

Chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	2021	Kế hoạch/ <i>Plan</i>	Tỷ lệ/ <i>Ratio (%)</i>
Bảng cân đối kế toán/ <i>Balance Sheet</i>			
Tổng cộng tài sản / <i>Total Assets</i>	8.812.814	6.324.331	139%
Tổng cộng nguồn vốn / <i>Total Resources</i>	3.733.998	2.419.134	154%
Kết quả hoạt động kinh doanh / <i>Business Results</i>			
Doanh thu/ <i>Revenue</i>	945.441	661.099	143%
Chi phí/ <i>Expenses</i>	644.451	461.058	140%
Lợi nhuận trước thuế / <i>Accounting profit before tax</i>	300.990	200.041	150%
Lợi nhuận sau thuế / <i>Accounting profit after tax</i>	240.633	160.033	150%

Theo kết quả đạt được, KBSV đã hoàn thành vượt kế hoạch đề ra với tổng doanh thu đạt hơn 945 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt hơn 300 tỷ đồng. Kết quả này có được nhờ vào việc sử dụng nguồn lực hiệu quả, cụ thể/ *According to the achieved results, KBSV has exceeded the plan with total revenue of more than VND 945 billion and pre-tax profit of more than VND 300 billion. This result is achieved through the efficient use of resources, specifically:*

- Đội ngũ nhân sự tinh nhuệ, năng động, sáng tạo, đảm bảo hiệu quả và chất lượng công việc;  
*An elite, dynamic, creative team that ensures efficiency and quality of work;*

- Hệ thống quản trị rủi ro được giám sát và tuân thủ chặt chẽ, không phát sinh nợ xấu;  
*The risk management system is closely monitored and followed, no bad debts arise;*
- Tư vấn hiệu quả, quản lý tài sản của nhà đầu tư an toàn, minh bạch. Phổ biến kiến thức tài chính, các số liệu phân tích tài chính hiệu quả gửi tới các nhà đầu tư;  
*Effective consulting, safe and transparent asset management of investors. Disseminating financial knowledge, effective financial analysis data to investors;*
- Sự tin nhiệm của cổ đông, nhà đầu tư và đối tác;  
*Trust of shareholders, investors and partners;*
- Chuyển đổi số mạnh mẽ trong hoạt động môi giới, sắp xếp tổ chức hoạt động tại các chi nhánh phù hợp, hiệu quả;  
*Strong digital transformation in brokerage activities, organizing activities at appropriate and effective branches;*
- Tích cực tham gia các hoạt động, chương trình từ thiện đóng góp cho sự phát triển chung của cộng đồng.  
*Actively participate in charity activities and programs to contribute to the development of the community.*

## 2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban Giám đốc/List of the Board of Management: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/List, curriculum vitae and ownership percentage of the Company's voting shares and other securities by the Company's General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers.

STT/ No.	Thành viên Ban Giám đốc/ Member of Board of Management	Ngày tháng năm sinh/ Date of birth	Trình độ chuyên môn/ Qualification	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban Giám đốc/ (Appointment/Dismiss al Date)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/ Proportion of ownership of
-------------	--	---	--	--	---

					<i>voting shares and other securities issued by the company</i>
1	Ông/ Mr Jeon Mun Cheol – Quyền Tổng Giám đốc/ <i>Acting Chief Officer</i>	12/09/1966	Cử nhân kinh tế - Đại học Chung Ang/ <i>Bachelor of Economics - Chung Ang University</i>	Ngày bổ nhiệm/ <i>Appointment Date</i> 24/05/2021	0
2	Ông/Mr Shin Jhintaeck – Giám đốc tài chính/ <i>Chief Financial Officer</i>	11/07/1973	Cử nhân Kế toán – Đại học Kyunghee/ <i>Bachelor of Accounting – Kyunghee University</i>	Ngày bổ nhiệm/ <i>Appointment Date</i> 22/10/2019	0
3	Bà/ Ms. Hà Thanh Hòa – Kế toán trưởng/ <i>Chief Accountant</i>	24/11/1981	Cử nhân kế toán – Viện Đại học Mở Hà Nội/ <i>Bachelor of Accounting – Hanoi Open University</i>	Ngày bổ nhiệm/ <i>Appointment Date</i> 25/02/2021	0

1. Ông/ Mr. Jeon Mun Cheol – Quyền Tổng Giám đốc/ *Acting Chief Executive Officer*  
 Ông Jeon Mun Cheol là Quyền Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán KB Việt Nam từ ngày 24/05/2021. Tốt nghiệp Chuyên ngành Kinh tế tại Đại học Chung Ang, ông Jeon đã có 24 năm kinh nghiệm ở vị trí lãnh đạo cấp cao tại Tập đoàn tài chính KB Hàn Quốc.

*Mr. Jeon Mun Cheol has been Acting General Director of KB Securities Vietnam since May 24<sup>th</sup>, 2021. Graduated with a major in Economics from Chung Ang University, Mr. Jeon has 24 years of experience in senior leader position in KB Financial Group in Korea.*

2. Ông/ Mr. Shin Jhintack – Giám đốc tài chính/ *Chief Financial Officer*

Ông Shin Jhintack là Giám đốc Tài chính Công ty Chứng khoán KB Việt Nam từ ngày 22/10/2019. Tốt nghiệp Chuyên ngành Tài chính Kế toán tại Đại học Kyunghee, ông Shin đã có 16 năm kinh nghiệm ở vị trí lãnh đạo cấp cao tại Tập đoàn tài chính KB Hàn Quốc

*Mr. Shin Jhintack was Chief of Finance Officer of KBSV since 16/04/2020. He graduated in Financial Accounting from Kyunghee University. He has 16 years of working experience as a senior manager in KB Financial Group.*

- Những thay đổi trong ban Giám đốc/*Changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban Giám đốc trong năm)/(*List the changes in the Board of Management in the year*).

STT/ No.	Thành viên Ban Giám đốc/ <i>Member of the Board of Management</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban Giám đốc/ <i>Appointment/Dismissal Date</i>
1	Ông/Mr Nguyễn Đức Hoàn – Tổng Giám đốc/ <i>Chief Executive Officer</i>	Ngày từ nhiệm/ <i>Resignation Date</i> 08/01/2021
2	Ông/ Mr Oh Cheolwu – Quyền Tổng Giám đốc/ <i>Acting Chief Executive Officer</i>	Ngày bổ nhiệm/ <i>Appointment Date</i> 08/01/2021 Ngày từ nhiệm/ <i>Resignation Date</i> 24/05/2021
3	Ông/ Mr Jeon Mun Cheol – Quyền Tổng Giám đốc/ <i>Acting Chief Executive Officer</i>	Ngày bổ nhiệm/ <i>Appointment Date</i> 24/05/2021

4	Ông/Mr Shin Jhintack – Giám đốc tài chính/ <i>Chief Financial Officer</i>	Ngày bổ nhiệm/ <i>Appointment Date</i> 22/10/2019
---	---	--

- Số lượng cán bộ, nhân viên/*Number of staffs*: 406 người/ *employees*.

- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/ *Brief information and changes on the employee's policies*.

Nhân sự là yếu tố cốt lõi tạo nên thành công của doanh nghiệp. KBSV rất quan tâm bảo vệ quyền lợi cho người lao động. Năm 2021, KBSV chú trọng tuyển dụng nhân sự có chất lượng cao, điều chỉnh và cập nhật chính sách lương thưởng, phúc lợi theo chuẩn quốc tế nhằm đảm bảo cạnh tranh so với các công ty trong ngành.

*Human resources are the core factor that creates the success of KBSV. KBSV is concerned with protecting the rights of employees. In 2021, KBSV focuses on recruiting high-quality personnel, adjusting and updating the salary, bonus and welfare policies according to international standards to ensure competition with companies in the industry.*

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/*Investment activities, project implementation*: Không có

a) Các khoản đầu tư lớn/*Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/*Specify major investments implemented for the year (including financial investments and project investment), the implementation progress of major projects. If the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets*: Không có khoản đầu tư lớn/ *No major investment*

b) Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/*(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies)*: Không có

4. Tình hình tài chính/*Financial situation*

a) Tình hình tài chính/*Financial situation*



Đơn vị: triệu đồng/ Unit: million dong

Chỉ tiêu/ Indicators	2020	2021	% tăng, giảm/ % change
Bảng cân đối kế toán/ Balance Sheet			
<b>TÀI SẢN/ ASSETS</b>			
Tài sản ngắn hạn/ Current Assets	5.938.650	8.760.470	148%
Tài sản dài hạn/ Non - Current Assets	59.624	52.343	88%
Tổng cộng tài sản/ Total Assets	5.998.273	8.812.814	147%
<b>NGUỒN VỐN/ LIABILITIES AND OWNERS' EQUITY</b>			
Nợ phải trả/ Liabilities	3.828.235	5.078.816	133%
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Owner's Equity	2.170.038	3.733.998	172%
Tổng cộng nguồn vốn/ Total Resources	5.998.273	8.812.814	147%
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh/ Business Results</b>			
Doanh thu hoạt động/ Operating Revenue	640.792	936.797	146%
Chi phí hoạt động/ Operating Expenses	193.857	388.544	200%
Doanh thu tài chính/ Financial Income	4.201	8.543	203%
Chi phí tài chính/ Financial Expenses	211.589	194.221	92%
Chi phí quản lý doanh nghiệp/ General and administration expenses	42.290	46.679	110%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Operating Profit	197.257	315.896	160%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác/ Other Profit	31	(14.906)	
Lợi nhuận trước thuế/ Accounting profit before tax	197.287	300.990	153%
Lợi nhuận sau thuế/ Accounting profit after tax	166.904	240.633	144%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial indicators:

Chỉ tiêu/ Indicators	2020	2021
<b>1. Khả năng thanh toán/ Solvency ratio</b>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn/ Current ratio (Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)/ (Short term Asset/Short term debt)	1.55	1.72
Hệ số thanh toán nhanh/ Quick ratio (Tài sản lưu động - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn/ (Short term Asset - Inventories)/Short term Debt	0.11	0.11
<b>2. Cơ cấu nguồn vốn/ Capital structure Ratio</b>		
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn/ Debt/ Total Resources	64%	58%
Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn/ Owner's Equity ratio/ Total Resources	36%	42%
<b>3. Năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</b>		
Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover (GVHB/ Hàng tồn kho bình quân)/ (Cost of goods sold/Average inventory)		
Vòng quay tổng tài sản/ Total asset turnover		

(Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân)/ <i>(Net revenue/Average Total Assets)</i>	0.11	0.13
<b>4. Khả năng sinh lời/ Profitability</b>		
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)/ <i>profit after tax/Total assets Ratio</i>	3%	3%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)/ <i>profit after tax/total capital Ratio</i>	8%	6%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần/ <i>Profit after tax/Net revenue Ratio</i>	26%	26%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) Cổ phần/*Shares*: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, the Company's Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.*

- Tổng số cổ phần đang lưu hành là/ *Total number of shares outstanding is: 300.168.613* cổ phần/ *shares*
- Loại cổ phần/ *Share type*: cổ phần phổ thông/ *common shares*
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do là/ *Number of shares freely transferable is: 300.168.613* cổ phần/ *shares*
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu/ *Number of shares that are restricted from being transferred in accordance with the law, the company's charter or the owner's commitment: 0* cổ phần/ *shares*

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/*Specify shareholders structure by ownership percentages (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders; foreign shareholder's maximum percentages.*

<b>Thành phần cổ đông/ <i>Type of Shareholder</i></b>	<b>Số lượng cổ phần sở hữu/ <i>Number of shares</i></b>	<b>Tỷ lệ sở hữu/ <i>Ownership rate (%)</i></b>
Tổ chức trong nước/ <i>Domestic organization</i>	71.290	0.02
Tổ chức nước ngoài/ <i>Foreign organization</i>	299.596.020	99.81
Cá nhân trong nước/ <i>Domestic individuals</i>	501.303	0.17
Cá nhân nước ngoài/ <i>Foreign individuals</i>	0	0
Cổ đông Nhà nước/ <i>State Shareholders</i>	0	0
<b>Tổng cộng/ <i>Total</i></b>	<b>300.168.613</b>	<b>100</b>

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là/ *The maximum foreign ownership ratio is: 99,81%*

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị cấp)/*Specify equity increases including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

<b>Mốc thời gian/ <i>Timeline</i></b>	<b>Sự kiện/ <i>Event</i></b>	<b>Số giấy phép/ <i>License number</i></b>
11/06/2008	Thành lập Công ty CP Chứng khoán Standard ("SSJ") có vốn điều lệ 35.000.000.000 đồng/ <i>Established Standard Securities Joint Stock</i>	77/UBCK-GPHĐKD

	<i>Company ("SSJ") with charter capital of VND 35,000,000,000</i>	
31/12/2010	<i>Tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng/ Increase charter capital to VND 300,000,000,000</i>	381/GPĐC-UBCK
14/12/2018	<i>Tăng vốn điều lệ lên 1.107.078.600.000 đồng/ Increase charter capital to VND 1,107,078,600,000</i>	102/GPĐC-UBCK
21/02/2019	<i>Tăng vốn điều lệ lên 1.675.020.900.000 đồng/ Increase charter capital to VND 1,675,020,900,000</i>	10/GPĐC-UBCK
30/12/2021	<i>Tăng vốn điều lệ lên 3.001.686.130.000 đồng/ Increased charter capital to VND 3,001,686,130,000</i>	128/GPĐC-UBCK

d) *Giao dịch cổ phiếu quỹ/Transaction of treasury stocks*: Nếu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/*Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties*: Không có

e) *Các chứng khoán khác/Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nếu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/*Specify other securities issues conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issues*: Không có

6. *Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company*

6.4. *Tiêu thụ nước*: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/*Water consumption (water consumption of business activities in the year*:

Với đặc thù là công ty chứng khoán, KBSV không sử dụng nước trong hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, công ty khuyến khích sử dụng tiết kiệm nước và tuyệt đối tuân thủ pháp luật về môi trường và quy trình xử lý nước thải của tòa nhà.

*As a securities company, KBSV does not use water in its business activities. However, the company encourages economical use of water and strictly complies with the laws on environment and wastewater treatment of the building.*

6.5. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment: 0 lần/ times*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment: 0 VNĐ*

6.6. *Chính sách liên quan đến người lao động/Policies related to employees*

a) Số lượng lao động/*Number of employees: 406 người/ employees*

Mức lương trung bình đối với người lao động/*average wages of workers: 5,479,941 VNĐ/ người/ employee*

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/*Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers:*

- Công ty tổ chức khám sức khỏe 1 năm/lần đối với người lao động ký hợp đồng chính thức;  
*The company organizes a medical examination once a year for employees who sign the labor contracts;*
- Ngoài trích nộp các khoản bảo hiểm theo quy định pháp luật, Công ty chi trả mua bảo hiểm sức khỏe cho người lao động, người lao động có thể sử dụng để thăm khám, điều trị bệnh và được bảo hiểm chi trả;  
*In addition to the deduction of insurance according to the Law, the Company buys health insurance for employees, which employees can use for medical examination, treatment and are covered by insurance;*
- Công ty ban hành Quyết định về sử dụng Quỹ Phúc lợi để chi cho các trường hợp ốm đau, thăm hỏi, thai sản cho người lao động và người thân của người lao động.

*The Company issues a Decision on using of the Welfare Fund to pay for sickness, visit and maternity for employees and employees' relatives.*

c) Hoạt động đào tạo người lao động/*Employee training*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/*The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff*: Các lớp đào tạo phần lớn là các lớp học cấp chứng chỉ hành nghề môi giới cho các lao động của Công ty. Thời gian của các khóa học do Trung tâm nghiên cứu khoa học và đào tạo chứng khoán quy định;

*Most of the training classes are training courses that grant brokerage practice certificates to the Company's employees. The duration of the courses is regulated by the Securities Research and Training Center;*

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/*The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development*: Các khóa đào tạo nội bộ phát sinh theo yêu cầu của công ty mẹ hoặc các phòng ban khi có sản phẩm mới, các khóa đào tạo phòng chống rửa tiền/*There are internal training courses arising at the request of the parent company or departments when new products are available or anti money laundering training sessions.*

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/*Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/*The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service*: KBSV luôn ý thức về các cam kết trách nhiệm đối với cộng đồng, chúng tôi hiểu rằng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng không chỉ là trách nhiệm của các cơ sở giáo dục của nhà nước, mà các doanh nghiệp cần hỗ trợ đào tạo năng lực thực tiễn. Vì vậy, KBSV rất tích cực tham gia, đồng hành cùng các Trường Đại học tổ chức các chương trình hướng nghiệp, đào tạo, trải nghiệm thực tế cho sinh viên. Hàng năm, nhiều lượt sinh viên đã đến thăm quan, thực tập tại KBSV và không ít sinh viên xuất sắc đã trở thành nhân viên của KBSV sau thời gian thực tập.

*KBSV is always aware of its commitment to the community and society in which it operates. We understand that human resource training is not only educational institutions' responsibility but also the enterprises'. Therefore, together with universities, KBSV is actively involved in organizing career guidance and training programs, exposing students to the real working environments. Internships are organized at KBSV every year and many excellent students have joined and become KBSV's staffs after the internship.*



6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/Report on green capital market activities under the guidance of the SSC: Hiện Công ty chưa trở thành thành viên của thị trường vốn xanh/ KBSV has not yet become a member of the green capital market.

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/Reports and assessments of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet)**

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/Assessment of operating results**

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây và những tiến bộ công ty đã đạt được/General analysis of company's operations against the previous operating targets and results and The Company's achievements:

KBSV đạt doanh thu 945.441 triệu đồng (+45% YoY) và lợi nhuận sau thuế 240.632 triệu đồng (+44% YoY) vào năm 2021 nhờ sự tăng trưởng mạnh mẽ của khối hoạt động môi giới chứng khoán (+179% YoY) và các hoạt động quản lý nguồn vốn (+84% YoY). Trong đó, khối hoạt động môi giới chứng khoán doanh thu đạt 393.854 triệu đồng, khối hoạt động quản lý nguồn vốn doanh thu đạt 70.596 triệu đồng nhờ lãi suất thấp và biến động lãi suất thuận lợi. Với nền tảng vững mạnh về tài chính cùng đội ngũ nhân sự dày dặn kinh nghiệm trải qua nhiều thăng trầm của thị trường là tiền đề mang lại kết quả kinh doanh ấn tượng. Công ty cũng đầu tư nguồn lực để liên tục nghiên cứu phát triển và giới thiệu các sản phẩm, dịch vụ mới ra thị trường, đồng thời cập nhật nhiều tiện ích hỗ trợ trên các sản phẩm và công cụ giao dịch hiện có. Ban lãnh đạo và khối nguồn vốn đã đánh giá tốt xu hướng giảm lãi suất và tiếp tục gia tăng nợ vay ngắn hạn (+48% YoY) để đầu tư nắm giữ sớm các sản phẩm có thu nhập cố định chính chi tiền gửi, hợp đồng tiền gửi, kết quả là KBSV đã thu được lợi nhuận cao trong quý 3 và 4 năm 2021.

*KBSV achieved revenue of VND 945,441 million (+45% YoY) and after-tax profit of VND 240,632 million (+44% YoY) in 2021 thanks to the strong growth of securities brokerage activities (+179% YoY) and capital management activities (+84% YoY). In which, the revenue of securities broker activities reached VND 393,854 million, revenue from capital management reached VND 70,596 million thanks to low interest rates and favorable interest rate fluctuations, With a strong background in finance and the team of seasoned personnel who have experienced many ups and*

*downs of the market, it is a prerequisite for impressive business results. The company also invested resources to continuously, developed and introduced new products and services to the market, and at the same time, updated many support utilities on existing products and trading tools. BOM and ALM team have appreciated the interest rate reduction trend and continued to increase short-term loan (+48% YoY) to invest and hold early the main fixed income products, CDs, term deposits. As a result, KBSV have achieved high profits in the 3rd and 4th quarters of 2021.*

## *2. Tình hình tài chính/Financial Situation*

### *a) Tình hình tài sản/Assets*

*Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/Analysis of assets and changes in assets (analysis and assessment of the efficiency of assets usage and bad receivable debts that affect operating results).*

*Năm 2021, tổng tài sản đạt 8.812.813 triệu đồng (+47%) nhờ tăng tài sản ngắn hạn từ gia tăng tài sản lưu động. Tiền và các khoản tương đương tiền trong năm 2021 tăng do lãi thuần từ hoạt động tài chính. Về tài sản tài chính, các khoản cho vay tăng 2.025.545 triệu đồng (+ 66% YoY), trong khi các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ tăng 484.647 triệu đồng (+ 39% YoY)*

*In 2021, total assets reached VND 8,812,813 million (+47%) thanks to an increase in short-term assets from an increase in current assets. Cash and cash equivalents in 2021 increased due to net profit from financial activities. In terms of financial assets, loans increased by VND 2,025,545 million (+66% YoY), while FVTPL increased by VND 484,647 million (+39% YoY)*

### *b) Tình hình nợ phải trả/Debt Payable*

*Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng vốn chủ sở hữu của cổ đông là 3.733.997 triệu đồng (+ 72% YoY) và chiếm 42% tổng vốn. Tháng 12 năm 2021, KBSV đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp giấy phép điều chỉnh tăng vốn điều lệ lên 3.001.686 triệu đồng (+79% YoY). Trong năm 2021, KBSV cũng đã tăng nợ ngắn hạn lên 4.985.427 triệu đồng, tăng 1.610.635 triệu đồng (+48% YoY) để tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh môi giới chứng khoán.*

*As of the 31st December 2021, the total equity of shareholders is VND 3,733,997 million (+72% YoY) and accounts for 42% of total capital. In December 2021, KBSV was granted the license by SSC to increase charter capital to VND 3,001,686 million (+79% YoY). In 2021, KBSV also increased short-term debt to VND 4,985,427 million to increase the efficiency of securities brokerage business.*

*3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/Improvements in organizational structure, policies, and management.*

- Ban Giám đốc luôn không ngừng nâng cao, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình tác nghiệp, hệ thống báo cáo quản trị và thông tin quản lý, chú trọng công tác quản trị rủi ro, không để phát sinh nợ xấu;

*The Board of Management has constantly improved and perfected the system of regulations, operational processes, management reporting systems and management information, focusing on risk management, preventing bad debts to arise;*

- Xây dựng kế hoạch và cơ chế khuyến khích kinh doanh, đảm bảo doanh thu và lợi nhuận của công ty ngày càng tăng.

*Develop business incentive plans and mechanisms to ensure the company's revenue and profit increase.*

*4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/Development plans in future:*

Ban Giám đốc KBSV trong năm 2022 sẽ tập trung vào các công việc sau/ *KBSV Board of Management in 2022 will focus on the following work:*

- Tiếp tục lập kế hoạch bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình tác nghiệp, hệ thống báo cáo quản trị và thông tin quản lý, chú trọng công tác quản trị rủi ro, chuyên nghiệp hóa toàn hệ thống theo chuẩn quốc tế;

*Continue to supplement and improve the system of regulations, operational procedures, management reporting systems and managing information, focus on risk management progress;*

- Củng cố và nâng cao giá trị thương hiệu chứng khoán KB, đưa thương hiệu KBSV trở thành một trong những thương hiệu hàng đầu của chứng khoán Việt Nam;

*Consolidate and enhance the value of the KB securities brand, making the KBSV brand one of the leading brands of Vietnamese securities;*

- Tăng cường quan hệ với cổ đông nhằm cung cấp thông tin tới công chúng một cách nhanh chóng, kịp thời và minh bạch;

*Strengthen the relationship with shareholders in order to provide information for the public quickly, promptly and transparently;*

- Tuân thủ và hoạt động theo Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Giám đốc và các quy định nội bộ khác của Công ty.

*Adhere to the Charter, Regulations on the organization and operation of the Board of Management and other internal regulations of the Company.*

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)/*Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not unqualified).* Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/*Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/*Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.).*

Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm về môi trường theo quy định của pháp luật, không bị xử phạt về các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường. Công ty đã thực hành tiết kiệm, sử dụng nước, năng lượng hiệu quả, không phát thải ra môi trường.

*The company has fulfilled its environmental obligations and responsibilities in accordance with the law, and has not been sanctioned for violations of the law on environment. The company has practiced saving, using water, energy efficiently, no emissions to the environment.*

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/*Assessment concerning the labor issues:*

Công ty đã tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật lao động và các luật liên quan. Công ty đã có chính sách lương và phúc lợi rõ ràng, đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Công ty cũng khuyến khích nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động thông qua các hoạt động tập thể, các cuộc thi, chế độ du lịch, thưởng, bảo hiểm nhân thọ...

*The company has strictly complied with the provisions of the Labor Code and related laws. The company has a clear salary and welfare policy, ensuring the rights of employees. The company also encourages to improve the living standards of employees through collective activities i.e. contests, travel regime, bonus, life insurance...*

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/*Assessment concerning the corporate responsibility for the local community*

Công ty đã có trách nhiệm với cộng đồng thông qua việc tích cực, tuyệt đối tuân thủ các quy định về phòng chống dịch của Nhà nước và bảo đảm an toàn cho cộng đồng tại nơi làm việc.

*The company has been responsible for the local community through actively and completely complying with the State's regulations on epidemic prevention and control and ensuring community safety at work.*

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Directors on the Company's operation (for joint stock companies)**

*1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/Assessments of the Board of Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

Hoạt động của HĐQT năm 2021 đã bám sát các nội dung trong Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường 2021. Các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp HĐQT thường kỳ, đột xuất để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT, các cuộc họp đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Điều lệ và Luật Doanh nghiệp. Các nội dung họp được các thành viên thảo luận và thống nhất cao trên cơ sở công khai biểu quyết. Các quyết định kịp thời của HĐQT đã thúc đẩy hoạt động kinh doanh của KBSV ngày càng phát triển vững chắc.

*The Board of Directors in 2021 closely followed the contents of the Resolutions of the Annual General Meeting of Shareholders and the Extraordinary General Meeting of Shareholders in 2021. The members of the Board of Directors attended annual and extraordinary meetings of to resolve the work under its authority. The meeting procedure os as prescribed in the Charter and the Law on Enterprise. The contents of the meeting were discussed and highly agreed upon by the members on the basis of public voting. The timely decisions of the Board of Directors have promoted the business activities of KBSV to develop steadily.*

*2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management's performance*

Trong năm 2021, HĐQT nhận thấy Ban Giám đốc công ty đã thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn của mình trong việc điều hành công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ. Ban Giám đốc đã cùng các cán bộ quản lý khác có những nỗ lực thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh của công ty, đem lại những kết quả đáng khích lệ.

*In 2021, the Board of Directors realizes that the Board of Management has properly performed its responsibilities and rights in management of the company in accordance with*

*the provisions of the law and the company Charter. The Board of Management and other managers have made great efforts to implement the company's business plan, bringing encouraging results.*

*3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/Plans and orientations of the Board of Directors*

- Năm 2022, KBSV tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng môi giới, nâng cấp chất lượng sản phẩm, phát triển các tiện ích và dịch vụ giá trị gia tăng cho khách hàng:  
*The goal of KBSV in 2022 is to focus on improving brokerage service, adding value and services to customers;*
- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát; củng cố và nâng cao năng lực của bộ máy kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả và bảo toàn vốn;  
*Strengthen inspection and supervision; enhance and improve the capacity of the internal inspection, internal control and audit to improve efficiency and preserve capital;*
- Đi đôi với việc hoàn thiện chiến lược và các kế hoạch phát triển trung và dài hạn, tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình hoạt động, hệ thống báo cáo quản trị và thông tin quản lý, chú trọng công tác quản trị rủi ro;  
*Continue to supplement and improve the system of regulations, operational procedures, management reporting systems and managing information, focus on risk management progress;*
- Củng cố và nâng cao giá trị thương hiệu, tăng cường quan hệ với cổ đông nhằm cung cấp thông tin một cách nhanh chóng, kịp thời và minh bạch.  
*Enhance the brand value; Strengthen the relationship with shareholders to provide information for the public promptly and transparently;*
- Tuân thủ và hoạt động theo Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định nội bộ khác của Công ty.  
*Comply with and operate under the Charter, Regulations on the organization and operation of the Board of Directors and other internal regulations of the Company.*

## **V. Quản trị công ty/Corporate governance**

### **1. Hội đồng quản trị/Board of Directors**

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và



các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/(the list of members of the Board of Directors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company, the list of independent members and other members; the list of positions that a member of the Board of Directors at the Company hold at other companies).

STT/ No.	Thành viên HĐQT/ Member's name	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)/ Title	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/ Proportion of ownership of voting shares and other securities issued by the company	Chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác/ Titles of members of the Board of Directors, managerial positions held in other companies
1	Ông/ Mr. Park Chunsoo	Chủ tịch HĐQT/ Chairman	0	Không có/ None
2	Ông/Mr. Jeon Mun Cheol	Thành viên HĐQT, Quyền Tổng Giám đốc/ Member, Acting Chief Executive Officer	0	Không có/ None
3	Ông/Mr. Oh Cheolwu	Thành viên HĐQT/ Member	0	Không có/ None
4	Ông/Mr. Byoung Jo Chun	Thành viên HĐQT/ Member	0	Không có/ None
5	Ông/Mr Lee Hwang In	Thành viên HĐQT/ Member	0	Không có/ None

6	Ông/Mr Shin Jhintack	Thành viên HĐQT, Giám đốc tài chính/ <i>Member, Chief Financial Officer</i>	0	Không có/ <i>None</i>
---	-------------------------	---	---	-----------------------

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Directors*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*The list of the subcommittees of the Board of Directors and list of members of each subcommittee*): Không có/ *None*

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Directors and specifying the number of Board of Directors meetings, their contents and results.*

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
1.	02/2021/QĐ-HĐQT	24/02/2021	Chấp thuận đơn từ nhiệm chức danh người phụ trách kế toán <i>Approval of the resignation of person in charge of accounting</i>	100%
2.	03/2021/QĐ-HĐQT	24/02/2021	Bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng <i>Appointment of Chief Account</i>	100%
3.	05/2021/QĐ-HĐQT	11/03/2021	Vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) <i>Borrowing from Joint Stock Commercial Bank from Foreign Trade of Vietnam</i>	100%
4.	07/2021/QĐ-HĐQT	25/03/2021	Thông qua mở rộng diện tích Chi nhánh Hà Nội <i>Approve the expanding the space of the Hanoi Branch</i>	100%

5.	09/2021/NQ-HĐQT	02/04/2021	Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 <i>Announcement for Annual General Meeting of Shareholders in 2021</i>	100%
6.	11/2021/QĐ-HĐQT	12/04/2021	Vay vốn tại Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB) <i>Borrowing from Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank (VAB)</i>	100%
7.	13/2021/QĐ-HĐQT	12/04/2021	Vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) <i>Borrowing from Military Commercial Joint Stock Bank (MB)</i>	100%
8.	32/2021/QĐ-HĐQT	12/04/2021	Vay vốn tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) <i>Borrowing from Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank (MSB)</i>	100%
9.	26/2021/QĐ-HĐQT	15/04/2021	Vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) <i>Borrowing from Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV)</i>	100%
10.	27/2021/NQ-HĐQT	23/04/2021	Bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị <i>Election the BOD's Chairman</i>	100%
11.	26B/2021/NQ-HĐQT	27/04/2021	Sửa đổi và bổ sung Quy chế tổ chức bộ máy <i>Amendment and supplement to the Organization Structure Regulation</i>	100%
12.	30/2021/QĐ-HĐQT	07/05/2021	Vay vốn tại Ngân hàng Daegu – Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh (DGB) <i>Borrowing from Daegu Bank – Ho Chi Minh Branch (DGB)</i>	100%

13.	34/2021/QĐ-HĐQT	17/05/2021	Vay vốn tại Ngân hàng Kookmin – Chi nhánh Hà Nội (KB HN BR.) <i>Borrowing from Kookmin Bank – Hanoi Branch (KB HN BR.)</i>	100%
14.	36/2021/QĐ-HĐQT	24/05/2021	Chấp thuận đơn từ nhiệm chức danh Quyền Tổng Giám đốc <i>Approval on resignation of Acting Chief Executive Officer</i>	100%
15.	37/2021/QĐ-HĐQT	24/05/2021	Bổ nhiệm chức danh Quyền Tổng Giám đốc <i>Appointment of Acting Chief Executive Officer</i>	100%
16.	41A/2021/QĐ-HĐQT	18/06/2021	Vay vốn tại Ngân hàng TNHH Indovina (IVB) <i>Borrowing from Indovina Bank Ltd. (IVB)</i>	100%
17.	44/2021/QĐ-HĐQT	28/06/2021	Tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường <i>Organizing extraordinary general meeting shareholders</i>	100%
18.	46/2021/QĐ-HĐQT	01/07/2021	Hợp tác với Ngân hàng VietBank – Chi nhánh Hà Nội – Phòng giao dịch Mỹ Đình <i>Co-operate with VietBank - Hanoi Branch - My Dinh transaction office</i>	100%
19.	48/2021/QĐ-HĐQT	12/07/2021	Vay vốn tại Ngân hàng Quốc tế Việt Nam (VIB) <i>Borrowing from Vietnam International Bank (VIB)</i>	100%
20.	50/2021/QĐ-HĐQT	12/07/2021	Vay vốn tại Ngân hàng Kookmin – Chi nhánh Tokyo <i>Borrowing from Kookmin Bank - Tokyo Branch</i>	100%

21.	52/2021/QĐ-HĐQT	12/07/2021	Vay vốn tại Ngân hàng Kookmin – Chi nhánh Tokyo <i>Borrowing from Kookmin Bank - Tokyo Branch</i>	100%
22.	57/2021/QĐ-HĐQT	05/08/2021	Vay vốn tại Ngân hàng Kookmin – Chi nhánh Hà Nội <i>Borrowing from Kookmin Bank - Hanoi Branch (KB HN BR)</i>	100%
23.	58/2021/QĐ-HĐQT	04/08/2021	Vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (TPB) <i>Borrowing from Tien Phong Commercial Joint Stock Bank (TPB)</i>	100%
24.	62/2021/QĐ-HĐQT	16/08/2021	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán và phương án đảm bảo việc phát hành cổ phần đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài <i>Approving the registration dossiers for offering shares the plan to ensure that the issuance of shares meets the requirements on the foreign ownership ratio</i>	100%
25.	64/2021/NQ-HĐQT	25/08/2021	Triển khai thực hiện phương án chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ <i>Implementing the issuance plan to increase charter capital</i>	100%
26.	68/2021/NQ-HĐQT	23/09/2021	Sửa đổi và bổ sung Quy chế tổ chức bộ máy <i>Amendment and supplement to the Organization Structure Regulation</i>	100%
27.	72/2021/QĐ-HĐQT	08/11/2021	Handle the fractional shares due to rounding down, the number of shares that not have been registered to purchase and make payment	100%

			<i>Xử lý số cổ phần lẻ và cổ phần chưa được đăng ký mua, thanh toán hết</i>	
28.	74/2021/QĐ-HĐQT	01/12/2021	Thay đổi vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam (KBSV) <i>Change charter capital of KB Securities Vietnam Joint Stock Company</i>	100%
29.	76/2021/NQ-HĐQT	27/12/2021	Vay vốn tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank) <i>Borrowing from Vietnam Export Import Joint Stock Bank</i>	100%
30.	78/2021/NQ-HĐQT	28/12/2021	Sửa đổi và bổ sung Quy chế tổ chức bộ máy <i>Amendment and supplement to the Organization Structure Regulation</i>	100%
31.	79/2021/NQ-HĐQT	28/12/2021	Sửa đổi và bổ sung Quy chế tiền lương <i>Amendment and supplement to the Regulation on Salary</i>	100%

## 2. Ban Kiểm soát /Board of Supervisors

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát /*Members and structure of the Board of Supervisors*/ (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*The list of members of the Board of Supervisors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company*):

STT/ No.	Thành viên BKS/ <i>Member's name</i>	Chức vụ/ <i>Title</i>	Ngày bắt đầu là thành viên BKS/ <i>Appointment Date</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/ <i>Proportion of ownership of voting shares and other</i>
-------------	--	--------------------------	---	--



				<i>securities issued by the company (%)</i>
1	Bà/Ms Nguyễn Mai Hương	<i>Trưởng Ban Kiểm soát/ Head of Board of Supervisors</i>	23/04/2021	0
2	Bà/Ms Dư Thị Linh Chi	<i>Thành viên Ban Kiểm soát/ Member</i>	23/04/2021	0
3	Ông/Mr Jo Jong Bum	<i>Thành viên Ban Kiểm soát/ Member</i>	23/04/2021	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát / *Activities of the Board of Supervisors*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/ *Assessing activities of the Board of Supervisors/Audit Committee, specifying the number of Board of Supervisors'/Audit Committee's meetings, their contents and results*).

Được sự tín nhiệm của Đại hội đồng cổ đông, với trách nhiệm, chức năng và quyền hạn của Ban kiểm soát (BKS) theo quy định tại Điều lệ, Luật Doanh nghiệp, BKS trong năm 2021 đã thực hiện các công việc cụ thể như sau/ *With the trust of the General Meeting of Shareholders and the responsibilities, functions and powers as prescribed in the Charter and Law on Enterprises, the Board of Supervisors in 2021 has performed specific tasks. as follows*:

- Giám sát công tác quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Giám đốc (BGĐ)./ *Supervising the management and administration of the Board of Directors (BOD) and the Board of Management (BOM)*.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021/ *Examine and supervise the implementation of the business plan in 2021*.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 cũng như việc tuân thủ Điều lệ và các

Quy chế quản lý nội bộ của Công ty./ *Monitor the implementation of the Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders in 2021, the Resolution of the Extraordinary General Meeting of Shareholders in 2021 as well as the compliance with the Company's Charter and internal management regulations.*

- Đánh giá tính hợp lý hợp pháp, trung thực, mức độ cần trọng trong công tác quản lý, điều hành kinh doanh, tổ chức hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty./ *Assessing the legality, honesty, prudence in business management and administration, organization of the internal control system, internal audit, risk management and early warning of the company.*

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, quy chế hoạt động của BKS./ *Perform other duties as prescribed by the Law on Enterprises, the Company's Charter, the operation regulations of the Board of Supervisors.*

- Cuộc họp của BKS/ *Meetings of the Board of Supervisors:*

STT No.	Thành viên BKS <i>Members of Board of Supervisors</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>
1	Bà/Ms Du Thị Linh Chi	2	100%	100%
2	Bà/Ms Nguyễn Mai Hương	2	100%	100%
3	Ông/Mr Jo Jong Bum	2	100%	100%

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/*Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits:*  
(Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, the Board of Supervisors/Audit*

*Committee, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and explained).*

		Đơn vị: đồng/ Unit: dong
STT/ No.	Thù lao cả năm 2021/ <i>Remuneration for the whole year 2021</i>	Số tiền (VNĐ)/ <i>Amount (VND)</i>
1	Các thành viên Hội đồng quản trị/ <i>Members of the Board of Directors</i>	600.714.286
2	Các thành viên Ban Kiểm soát/ <i>Members of the Supervisory Board</i>	84.000.000
3	Lương thưởng Ban Giám đốc/ <i>Board of Management's salary and commission</i>	3.705.941.966

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/*Share transactions by internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors/Audit Committee, Director (General Director), Chief Accountant, the company's managers, secretaries, major shareholders and their affiliated persons*): Không có/ *None*

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/*Contracts or transactions with internal shareholders*: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions signed or executed in the year by the members of the Board of Directors, Board of Supervisors/Audit Committee, Director (General Director), managers and affiliated persons with the Company, subsidiaries, and other companies in which the Company holds the control right*: Không có/ *None*

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/*Assessing the implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường

hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Specifying the contents which have not been implemented in accordance with the laws on corporate governance. Specifying reasons and solutions to improve the efficiency of corporate governance*):

- Năm 2021, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc thực hiện công tác quản trị và điều hành đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được Pháp luật và Điều lệ quy định, được Đại hội Đồng cổ đông quyết nghị./ *In 2021, the Board of Directors, the Board of Management performed the governance and administration in accordance with the functions, duties and powers prescribed by the Law and the Charter, and as decided by the General Meeting of Shareholders.*

- Năm 2021, BKS không nhận được đơn từ khiếu nại của cá nhân, tổ chức kiến nghị về hoạt động của công ty/ *In 2021, the Supervisory Board did not receive any complaints from individuals or organizations about the company's operations.*

## **VI. Báo cáo tài chính/Financial statements**

### **1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions**

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ/Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance with the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and clearly state the addresses where the financial statements of the parent company to be published and provided).

Công ty đính kèm Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.

*The Company attach herewith the audited financial report 2021.*

*Nơi nhận:*

*Recipients:*

- Như Kính gửi/*To*

- Lưu: VT,...

- Archived:....

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA  
CÔNG TY**

***CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL  
REPRESENTATIVE***



**PARK CHUNSOO**

**Chủ tịch HĐQT/ Chairman of the BOD**









**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2021



**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy phép Thành lập  
và Hoạt động số**

77/UBCK-GPHĐKD

ngày 11 tháng 6 năm 2008

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 77/UBCK-GPHĐKD được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 11 tháng 6 năm 2008. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy phép điều chỉnh số 128/GPĐC-UBCK ngày 30 tháng 12 năm 2021.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Park Chunsoo

Chủ tịch

Ông Oh Cheolwu

Thành viên

Ông Byoung Jo Chun

Thành viên

Ông Shin Jhintack

Thành viên

Ông Lee Hwang In

Thành viên

Ông Jeon Mun Cheol

Thành viên

*(từ ngày 23 tháng 4 năm 2021)*

Ông Nguyễn Đức Hoàn

Thành viên

*(đến ngày 8 tháng 1 năm 2021)*

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Jeon Mun Cheol

Quyền Tổng Giám đốc

*(từ ngày 24 tháng 5 năm 2021)*

Ông Oh Cheolwu

Quyền Tổng Giám đốc

*(từ ngày 8 tháng 1 năm 2021*

*đến ngày 24 tháng 5 năm 2021)*

Ông Nguyễn Đức Hoàn

Tổng Giám đốc

*(đến ngày 8 tháng 1 năm 2021)*

Ông Choi Yunsun

Giám đốc Tài chính

*(từ ngày 12 tháng 1 năm 2022)*

Ông Shin Jhintack

Giám đốc Tài chính

*(đến ngày 12 tháng 1 năm 2022)*

**Người đại diện theo pháp luật**

Ông Park Chunsoo

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

**Trụ sở đăng ký**

Tầng G, Tầng M, Tầng 2 và 7

Tòa nhà Sky City

88 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

## Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 57 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- Tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Jeon Mun Cheol  
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2022





KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam (“Công ty”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 57.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-02-00153-22-1



Wang Loan Kim

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 3065-2019-007-1

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B01 - CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110 + 130)	<b>100</b>		<b>8.760.470.218.776</b>	<b>5.938.649.675.724</b>
<b>I. Tài sản tài chính</b>	<b>110</b>		<b>8.752.607.855.298</b>	<b>5.927.619.293.314</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	569.100.517.573	427.355.760.012
1.1. Tiền	111.1		39.100.517.573	427.355.760.012
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		530.000.000.000	-
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	112	7(a)	2.140.934.274.594	1.656.286.661.786
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	113	7(c)	804.073.000.000	675.173.000.000
4. Các khoản cho vay	114	7(d)	5.101.176.641.828	3.075.630.769.478
5. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	115	7(b)	897.376.000	897.376.000
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính	116	8	(550.965.657)	(550.965.657)
7. Các khoản phải thu	117		115.490.050.849	78.916.461.597
7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1	9	-	30.441.200
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		115.490.050.849	78.886.020.397
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4	9	115.490.050.849	78.886.020.397
8. Trả trước cho người bán	118		761.412.348	1.680.914.500
9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	119	9	201.000.000	5.126.670.491
12. Các khoản phải thu khác	122	9	20.524.547.763	7.102.645.107
<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>130</b>		<b>7.862.363.478</b>	<b>11.030.382.410</b>
1. Tạm ứng	131		20.000.000	127.700.000
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	10(a)	4.110.347.273	7.314.757.822
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	11	3.732.016.205	3.587.924.588



*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**

**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B01 - CTCK**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220 + 250)	<b>200</b>		<b>52.343.367.574</b>	<b>59.623.611.065</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>17.111.742.032</b>	<b>25.455.088.257</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	6.064.967.670	10.352.841.705
- Nguyên giá	222		31.318.152.855	31.072.192.855
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(25.253.185.185)	(20.719.351.150)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	11.046.774.362	15.102.246.552
- Nguyên giá	228		32.340.711.915	31.706.732.915
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(21.293.937.553)	(16.604.486.363)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>35.231.625.542</b>	<b>34.168.522.808</b>
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		15.000.000	15.000.000
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	10(b)	5.832.697.067	7.299.493.261
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	14	19.337.548.762	16.827.797.182
5. Tài sản dài hạn khác	255	15	10.046.379.713	10.026.232.365
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>8.812.813.586.350</b>	<b>5.998.273.286.789</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B01 - CTCK**  
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
 ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)</b>	<b>300</b>		<b>5.078.815.928.278</b>	<b>3.828.235.301.472</b>
<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.078.783.325.585</b>	<b>3.828.232.614.999</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		4.985.427.615.579	3.374.791.784.522
1.1. Vay ngắn hạn	312	16	4.985.427.615.579	3.374.791.784.522
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	17	7.969.326.324	5.927.053.200
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320		421.526.552	471.829.984
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		205.000.000	205.000.000
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	18	39.254.992.125	30.552.402.428
11. Phải trả người lao động	323		1.800.444.736	18.984.471.298
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		1.890.087.494	1.053.998.046
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	19	31.335.048.091	25.448.844.151
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	20	9.562.173.705	369.664.990.625
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331	21	917.110.979	1.132.240.745
<b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>340</b>		<b>32.602.693</b>	<b>2.686.473</b>
14. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356		32.602.693	2.686.473
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>3.733.997.658.072</b>	<b>2.170.037.985.317</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>3.733.997.658.072</b>	<b>2.170.037.985.317</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	22	3.001.686.130.000	1.675.020.900.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1	22	3.001.686.130.000	1.675.020.900.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a	22	3.001.686.130.000	1.675.020.900.000
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		18.275.822.797	9.930.623.462
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		33.146.243.323	24.801.043.988
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417		680.889.461.952	460.285.417.867
7.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		680.861.416.953	460.390.477.147
7.2. Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	417.2		28.044.999	(105.059.280)
<b>TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>8.812.813.586.350</b>	<b>5.998.273.286.789</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (“CTCK”) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
5.		Ngoại tệ các loại (USD)	118	151
6.	005	Cổ phiếu đang lưu hành (Số lượng)	300.168.613	167.502.090
8.		Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”) của CTCK (VND)	243.140.000	29.940.000
12.	008	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK (VND)	336.000.000	336.000.000
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
1.		Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	10.358.088.540.000	10.451.720.290.000
a.	021	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	8.879.251.280.000	9.061.294.750.000
b.	021.1	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	262.241.880.000	267.411.190.000
c.	021.2	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	518.511.610.000	519.392.650.000
d.	021.3	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	297.665.890.000	297.665.890.000
e.	021.4	Tài sản tài chính chờ thanh toán	400.417.880.000	305.955.810.000
2.		Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	98.243.220.000	86.701.600.000
a.	022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	97.449.320.000	86.701.600.000
b.	022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	793.900.000	-
7.	026	Tiền gửi của Nhà đầu tư	1.796.320.274.853	1.280.461.413.633
7.1.		Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.510.942.114.241	1.168.591.117.050
7.1.1	027	Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD	107.715.504.733	95.316.775.469
7.3.		Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	177.662.655.879	16.553.521.114
a.	029	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước	143.756.855.403	66.480.223
b.	029.1	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài	33.905.800.476	16.487.040.891

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B01 - CTCK**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
 ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	23(f)	1.789.291.511.277	1.284.181.889.096
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		1.767.785.837.922	976.867.129.146
8.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		21.505.673.355	307.314.759.950

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người lập:

  
 Hà Thanh Hòa  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
 Jeon Man Cheol  
 Quyền Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**

**Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B02 - CTCK**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
1.1.		Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ		
	01		75.516.317.187	83.528.945.354
a.		Lãi bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ		
	01.1	24(a)	4.770.722.531	45.116.263.288
b.		Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ		
	01.2	25	149.581.098	10.872.778
c.		Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ		
	01.3	26	70.596.013.558	38.401.809.288
1.2.		Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
	02	26	75.968.391.756	166.593.207.956
1.3.		Lãi từ các khoản cho vay và phải thu		
	03	26	376.800.924.301	221.738.047.617
1.6.		Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		
	06	27	393.854.703.826	141.285.948.408
1.7.		Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		
	07	27	2.655.454.547	10.578.613.635
1.8.		Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		
	08	27	944.125.000	7.513.769.997
1.9.		Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		
	09	27	5.036.982.441	6.623.984.732
1.10.		Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính		
	10	27	1.200.000.000	113.636.363
1.11.		Thu nhập hoạt động khác		
	11	27	4.819.785.070	2.815.958.157
	<b>20</b>		<b>936.796.684.128</b>	<b>640.792.112.219</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
2.1.		Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ		
	21		1.202.780.634	2.030.784.226
a.		Lỗ bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ		
	21.1	24(b)	1.186.303.815	2.020.221.049
b.		Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ		
	21.2	25	16.476.819	10.563.177
2.7.		Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		
	27	28	369.259.373.798	168.022.188.076
2.8.		Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		
	28	28	6.564.473.476	10.052.907.319
2.9.		Chi phí tư vấn đầu tư chứng khoán		
	29	28	2.333.944.495	7.140.371.697
2.10.		Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		
	30	28	6.216.458.451	6.502.796.887
2.11.		Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		
	31	28	2.966.485.787	107.989.181
	<b>40</b>		<b>388.543.516.641</b>	<b>193.857.037.386</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**

**Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B02 - CTCK**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3.1.	41		3.062.857.144	4.173.929
3.2.	42	29	5.480.432.698	4.196.576.955
	<b>50</b>		<b>8.543.289.842</b>	<b>4.200.750.884</b>
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
4.1.	51		1.089.000	2.029.500
4.2.	52		184.975.194.323	199.934.633.348
4.5.	55		9.245.186.429	11.652.220.028
	<b>60</b>		<b>194.221.469.752</b>	<b>211.588.882.876</b>
<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>				
	<b>62</b>	<b>30</b>	<b>46.679.268.590</b>	<b>42.290.438.924</b>
<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 - 40 + 50 - 60 - 62)</b>				
	<b>70</b>		<b>315.895.718.987</b>	<b>197.256.503.917</b>
<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
8.1.	71		101.236.262	30.600.010
8.2.	72		15.007.014.420	-
	<b>80</b>		<b>(14.905.778.158)</b>	<b>30.600.010</b>
<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)</b>				
	<b>90</b>		<b>300.989.940.829</b>	<b>197.287.103.927</b>
9.1.	91		300.856.836.550	197.286.794.326
9.2.	92	25	133.104.279	309.601
<b>X. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")</b>				
	<b>100</b>	<b>31</b>	<b>60.357.418.340</b>	<b>30.383.117.220</b>
10.1.	100.1	31	60.327.502.120	30.383.628.426
10.2.	100.2	31	29.916.220	(511.206)
<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100) (mang sang trang sau)</b>				
	<b>200</b>		<b>240.632.522.489</b>	<b>166.903.986.707</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**

**Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B02 - CTCK**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100) (mang từ trang trước)	200		240.632.522.489	166.903.986.707
XII. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC	300		-	-
<b>TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN (400= 200 + 300)</b>	<b>400</b>		<b>240.632.522.489</b>	<b>166.903.986.707</b>

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Hà Thanh Hòa  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Jeon Mun Cheol  
Quyền Tổng Giám đốc



**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B03b - CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2021 VND	2020 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>01</b>	<b>300.989.940.829</b>	<b>197.287.103.927</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>	<b>02</b>	<b>73.227.996.001</b>	<b>127.044.241.205</b>
- Khấu hao tài sản cố định	03	9.223.285.225	9.933.301.099
- Chi phí lãi vay	06	184.975.194.323	199.934.633.348
- Lãi từ hoạt động đầu tư	07	(5.480.432.698)	(4.196.576.955)
- Dự thu tiền lãi	08	(115.490.050.849)	(78.627.116.287)
<b>3. Tăng các chi phí phi tiền tệ</b>	<b>10</b>	<b>16.476.819</b>	<b>10.563.177</b>
- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	11	16.476.819	10.563.177
<b>4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ</b>	<b>18</b>	<b>(149.581.098)</b>	<b>(10.872.778)</b>
- Lãi đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	19	(149.581.098)	(10.872.778)
<b>5. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>30</b>	<b>(3.168.761.197.047)</b>	<b>(621.731.790.619)</b>
- Tăng tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	31	(484.514.508.529)	(338.551.700.586)
- (Tăng)/giảm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	32	(128.900.000.000)	411.827.000.000
- Tăng các khoản cho vay	33	(2.025.545.872.350)	(726.669.582.115)
- Giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35	30.441.200	1.807.783.500
- Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36	84.366.453.095	91.124.041.510
- Giảm/(tăng) các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	37	4.925.670.491	(4.152.674.817)
- Tăng các khoản phải thu khác	39	(12.502.400.504)	(2.608.658.770)
- Tăng các tài sản khác	40	(2.566.290.545)	(1.627.405.922)
- Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	11.308.709.851	267.301.720
- Giảm chi phí trả trước	42	4.671.206.743	1.728.332.156
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	43	(61.195.963.709)	(32.878.122.102)
- Lãi vay đã trả	44	(190.397.700.234)	(194.308.397.887)
- Tăng/(giảm) phải trả cho người bán	45	1.991.969.692	(705.674.715)
- Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46	836.089.448	337.135.786

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B03b - CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2021 VND	2020 VND
- Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	9.571.051.286	9.938.391.146
- (Giảm)/tăng phải trả người lao động	48	(17.184.026.562)	4.312.791.693
- (Giảm)/tăng phải trả, phải nộp khác	50	(360.102.816.920)	159.503.154.253
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	52	(3.553.209.500)	(1.075.505.469)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>60</b>	<b>(2.794.676.364.496)</b>	<b>(297.400.755.088)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản khác	61	(879.939.000)	(7.272.046.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>70</b>	<b>(879.939.000)</b>	<b>(7.272.046.000)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	71	1.326.665.230.000	-
3. Tiền vay gốc	73	16.243.447.244.233	4.689.664.801.903
4. Tiền chi trả gốc vay	74	(14.632.811.413.176)	(4.598.638.017.381)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>80</b>	<b>2.937.301.061.057</b>	<b>91.026.784.522</b>
<b>IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm (90 = 60 + 70 + 80)</b>	<b>90</b>	<b>141.744.757.561</b>	<b>(213.646.016.566)</b>
<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>101</b>	<b>427.355.760.012</b>	<b>641.001.776.578</b>
- Tiền	101.1	427.355.760.012	641.001.776.578
<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh 5)</b>	<b>103</b>	<b>569.100.517.573</b>	<b>427.355.760.012</b>
- Tiền	103.1	39.100.517.573	427.355.760.012
- Các khoản tương đương tiền	103.2	530.000.000.000	-

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B03b - CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

	Mã số	2021 VND	2020 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	135.913.398.311.836	41.494.390.994.130
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(159.569.808.619.443)	(54.664.553.229.967)
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	25.483.900.305.711	14.675.320.271.344
7.1. Tiền gửi ký quỹ của khách hàng tại VSD	07.1	12.398.729.264	55.682.693.142
8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(1.324.029.866.148)	(559.812.189.389)
<b>Tăng tiền thuần trong năm</b>	<b>20</b>	<b>515.858.861.220</b>	<b>1.001.028.539.260</b>
<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>	<b>30</b>	<b>1.280.461.413.633</b>	<b>279.432.874.373</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31	1.280.461.413.633	279.432.874.373
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	32	1.168.591.117.050	220.515.650.362
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34	111.870.296.583	58.917.224.011
<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng</b>	<b>40</b>	<b>1.796.320.274.853</b>	<b>1.280.461.413.633</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41	1.796.320.274.853	1.280.461.413.633
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	42	1.510.942.114.241	1.263.907.892.519
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	285.378.160.612	16.553.521.114

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Hà Thanh Hòa  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Jeon Mun Cheol  
Quyền Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B04 - CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 33/4/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm	
	1/1/2020	1/1/2021	2020	2021	31/12/2020	31/12/2021
	VND	VND	Tăng VND	Tăng VND	VND	VND
<b>I. Biến động vốn chủ sở hữu</b>						
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.675.020.900.000	1.675.020.900.000	-	1.326.665.230.000	-	3.001.686.130.000
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	4.688.585.575	9.930.623.462	5.242.037.887	8.345.199.335	-	18.275.822.797
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	19.559.006.101	24.801.043.988	5.242.037.887	8.345.199.335	-	33.146.243.323
8. Lợi nhuận chưa phân phối						
8.1 (Thuyết minh 22(c))	305.962.322.089	460.285.417.867	166.903.986.707	240.632.522.489	(20.028.478.404)	680.889.461.952
8.2 (Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện)	306.067.690.970	460.390.477.147	166.903.677.106	240.499.418.210	(20.028.478.404)	680.861.416.953
	(105.368.881)	(105.059.280)	309.601	133.104.279	-	28.044.999
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.005.230.813.765</b>	<b>2.170.037.985.317</b>	<b>177.388.062.481</b>	<b>1.583.988.151.159</b>	<b>(20.028.478.404)</b>	<b>3.733.997.658.072</b>

(\*) Giảm lợi nhuận sau thuế trong năm 2021 bao gồm: trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 3.338.079.734 VND, trích quỹ dự phòng tài chính 8.345.199.335 VND và trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 8.345.199.335 VND (năm 2020: trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 2.096.815.155 VND, trích quỹ dự phòng tài chính 5.242.037.887 VND và trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 5.242.037.887 VND).

Người lập:

  
 Hà Thanh Hòa  
 Kế toán trưởng

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người duyệt:

  
 Jeon Man Cheol  
 Quyền Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



# Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam

## Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B09 - CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. Đơn vị báo cáo

#### (a) Cơ sở thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 77/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 6 năm 2008. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy phép điều chỉnh số 128/GPĐC-UBCK ngày 30 tháng 12 năm 2021.

Điều lệ hoạt động mới nhất của Công ty được Hội đồng Quản trị thông qua và có hiệu lực từ ngày 6 tháng 1 năm 2022.

#### (b) Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty là 3.001.686.130.000 VND (1/1/2021: 1.675.020.900.000 VND).

#### (c) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán và thực hiện các nhiệm vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với công ty chứng khoán.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, Công ty nhận được Giấy chứng nhận số 32/GCN-UBCK chứng nhận Công ty đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch phái sinh.

#### *Hạn chế đầu tư*

Danh mục đầu tư của Công ty và các hạn chế đầu tư phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Công ty và pháp luật chứng khoán hiện hành.

#### (d) Mạng lưới hoạt động

Địa chỉ liên hệ của Công ty tại Tầng G, Tầng M, Tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, Quận Đống Đa Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty có ba chi nhánh:

- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 401/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 7 năm 2013. Chi nhánh đặt tại Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 379/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 8 năm 2015. Chi nhánh đặt tại Tầng 1, Tòa nhà Văn phòng, Số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTCK**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

- Chi nhánh Sài Gòn - Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 08/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 1 năm 2019. Chi nhánh đặt tại Tầng 1 Tòa nhà Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**(e) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(f) Số lượng nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 406 nhân viên (1/1/2021: 371 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

***Chế độ kế toán áp dụng***

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

#### **(a) Tài sản và nợ phải trả tài chính**

##### **(i) Ghi nhận**

Các tài sản và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trong Báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản và nợ phải trả tài chính này.

##### **(ii) Phân loại và đo lường**

- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ: Xem Thuyết minh 3(c);
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn: Xem Thuyết minh 3(d);
- Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán: Xem Thuyết minh 3(e);
- Các khoản cho vay: Xem Thuyết minh 3(f).

##### **(iii) Chấm dứt ghi nhận**

Công ty chấm dứt ghi nhận một tài sản tài chính (“TSTC”) khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

##### **(iv) Cẩn trừ**

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cẩn trừ và số dư thuần được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cẩn trừ các khoản mục với số tiền được ghi nhận và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

##### **(v) Xác định giá trị hợp lý**

Đối với các TSTC là chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày có giao dịch gần nhất với ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom), giá thị trường là giá đóng cửa của thị trường UpCom tại ngày có giao dịch gần nhất với ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm nhưng không quá một tháng tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTCK**

*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC  
ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

Trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, hoặc giá thị trường có nhiều biến động, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính theo yêu cầu thông qua các kỹ thuật đánh giá. Đối với TSTC là công cụ nợ, Công ty áp dụng mô hình định giá giá trị hiện tại ròng và dòng tiền chiết khấu. Các giả định và yếu tố đầu vào được sử dụng trong mô hình định giá bao gồm lãi suất không có rủi ro, mức chênh lệch tín dụng và các chỉ tiêu khác để ước tính lãi suất chiết khấu.

**(vi) Xác định và đánh giá suy giảm giá trị**

Cuối kỳ kế toán năm, Công ty đánh giá liệu có các bằng chứng khách quan rằng các TSTC không thuộc nhóm TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ bị suy giảm giá trị hay không. Một TSTC hoặc một nhóm các TSTC được xem là suy giảm giá trị khi có các bằng chứng khách quan cho thấy có một sự kiện xảy ra sau khi tài sản được ghi nhận ban đầu có ảnh hưởng đến các dòng tiền trong tương lai từ tài sản này có thể ước tính một cách tin cậy.

Một số bằng chứng khách quan cho thấy các TSTC bị suy giảm giá trị bao gồm:

- Khó khăn trọng yếu về tài chính của tổ chức phát hành hoặc tổ chức giao ước;
- Vi phạm hợp đồng, ví dụ như mất khả năng trả nợ hoặc không thanh toán lãi hoặc gốc đúng hạn;
- Bên cho vay, vì lý do kinh tế hoặc pháp luật liên quan đến khó khăn tài chính của bên đi vay, đã đưa ra một số ưu đãi nhượng bộ cho bên đi vay mà bên cho vay không thể xem xét hơn được;
- Bên đi vay có khả năng phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính;
- Các dữ liệu thu thập được cho thấy có sự suy giảm về dòng tiền ước tính trong tương lai phát sinh từ một nhóm các TSTC kể từ khi ghi nhận ban đầu.

Nếu có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về suy giảm giá trị của TSTC thì Công ty sẽ phải xác định giá trị của khoản lỗ do suy giảm giá trị (nếu có) của TSTC này và ghi nhận khoản lỗ suy giảm giá trị đó vào lãi/lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động.

Trong trường hợp nếu TSTC được đánh giá là đã khôi phục mức suy giảm giá trị trước đó, Công ty sẽ hoàn nhập khoản dự phòng suy giảm giá trị đã được trích lập trước đó.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tiền gửi của Công ty.



**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

**(c) Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ**

TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ. TSTC được phân loại vào nhóm ghi nhận thông qua lãi/lỗ, nếu:
  - TSTC được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - Có bằng chứng về việc kinh doanh TSTC đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty chỉ định TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được ghi nhận ban đầu theo giá mua thực tế các TSTC (đối với chứng khoán chưa niêm yết) hoặc giá khớp lệnh tại các Sở giao dịch Chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết), không bao gồm các chi phí giao dịch phát sinh liên quan đến việc mua các TSTC này.

Sau ghi nhận ban đầu, các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được phản ánh theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản chênh lệch tăng/giảm về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được hạch toán vào lãi/lỗ của báo cáo kết quả hoạt động.

Đối với các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động hoặc không thể xác định được giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy, thì các TSTC này sẽ được phản ánh theo giá gốc.

**(d) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc
- Các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của TSTC này.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua tài sản. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được hạch toán theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực tế, trừ đi khoản dự phòng suy giảm giá trị TSTC.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

Các TSTC sẽ không được tiếp tục phân loại là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong kỳ kế toán hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất đã được bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các TSTC giữ đến ngày đáo hạn trước thời hạn, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Rất gần ngày đáo hạn mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của TSTC;
- Được thực hiện sau khi Công ty đã thu được phần lớn tiền gốc của các TSTC này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- Do liên quan đến một sự kiện đặc biệt nào ngoài khả năng kiểm soát của Công ty và sự kiện này Công ty không thể dự đoán trước được.

**(e) Các TSTC sẵn sàng để bán**

Các TSTC sẵn sàng để bán là các TSTC phi phái sinh được Công ty chủ đích phân loại là sẵn sàng để bán hoặc là những TSTC còn lại.

Các TSTC sẵn sàng để bán được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty trở thành một bên tham gia trong các điều khoản hợp đồng của tài sản tài chính này.

Các TSTC sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua tài sản. Sau khi ghi nhận ban đầu, các TSTC sẵn sàng để bán được phản ánh theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản chênh lệch tăng/giảm về đánh giá lại các TSTC sẵn sàng để bán được ghi nhận vào thu nhập toàn diện khác trong báo cáo kết quả hoạt động.

Trong trường hợp các TSTC sẵn sàng để bán không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động hoặc không thể xác định được giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy, thì các TSTC này sẽ được phản ánh theo giá gốc.

**(f) Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các TSTC với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường. Các khoản cho vay của Công ty bao gồm các khoản cho vay ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng margin hoặc hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng.

Các khoản cho vay được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty trở thành một bên tham gia trong các điều khoản hợp đồng của TSTC này.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc, trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC (nếu có).





**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

**(g) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu từ bán các TSTC, từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên ước tính về khả năng thu hồi của các khoản phải thu, nhưng không thấp hơn mức trích dự phòng dựa vào thời gian quá hạn như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

**(h) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Thiết bị văn phòng 3 - 5 năm

**(i) Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng, trừ những khoản dự phòng được đề cập ở các chính sách kế toán khác, được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ kế toán năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất cố hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất cố hiệu lực hoặc cơ bản cố hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(m) Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.



**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTCK**  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

**(n) Các quỹ dự trữ**

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014, lợi nhuận thực hiện của công ty chứng khoán sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối như sau:

	<b>Tỷ lệ trích lập hàng năm</b>	<b>Số dư tối đa</b>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hàng năm theo quyết định của Đại hội cổ đông.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm.

Các quỹ dự trữ này không được phép phân phối và được trình bày như một phần của vốn chủ sở hữu. Mức trích lập hàng năm do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo Điều lệ của Công ty.

**(o) Doanh thu và thu nhập**

**(i) Lãi/lỗ từ bán các tài sản tài chính**

Lãi/lỗ từ bán các TSTC được ghi nhận khi Công ty nhận được Thông báo khớp lệnh của các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức không được ghi nhận đối với các cổ phiếu giao dịch từ ngày không hưởng quyền.

Đối với cổ phiếu thường, Công ty chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng doanh thu từ cổ tức.

Doanh thu tiền lãi từ các TSTC được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu lãi cho vay hoạt động margin được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo nguyên tắc dồn tích. Doanh thu tiền lãi hoạt động cho vay ứng trước tiền bán của khách hàng được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp.

**(iii) Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán**

Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận khi giao dịch chứng khoán đã hoàn thành.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

**(iv) Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán**

Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán là các khoản phí, hoa hồng được hưởng theo thỏa thuận tại hợp đồng, thông thường được tính trên giá trị các chứng khoán đã phát hành thành công. Các khoản doanh thu này được ghi nhận căn cứ theo thỏa thuận hoặc biên bản thanh lý với các Tổ chức phát hành chứng khoán.

**(v) Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán**

Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

**(vi) Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán**

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp.

**(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(q) Chi phí lãi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

**(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(s) Số dư bằng không**

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư 210 và Thông tư 334 không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.



**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

**(t) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

**4. Quản lý rủi ro tài chính**

**(a) Tổng quan**

Các loại rủi ro chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tín dụng;
- Rủi ro thanh khoản; và
- Rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra Hội đồng Thực thi Chính sách Quản trị rủi ro thực hiện giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro của Công ty gặp phải.

**(b) Khung quản lý rủi ro**

Các phòng trực thuộc Hội đồng Thực thi Chính sách Quản trị rủi ro là Phòng thẩm định tín dụng, Phòng Quản trị rủi ro cho vay ký quỹ và Phòng Quản trị rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro, liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Hội đồng Quản trị của Công ty được Ban Kiểm toán nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Hội đồng Quản trị.



**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

**(c) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác.

Tổng giá trị ghi sổ của các TSTC thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	39.100.517.573	427.355.760.012
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	(ii)	2.140.934.274.594	1.656.175.344.886
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(i)	804.073.000.000	675.173.000.000
Các khoản cho vay	(iii)	5.101.176.641.828	3.075.630.769.478
Các khoản phải thu	(iii)	115.490.050.849	78.916.461.597
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	(iii)	201.000.000	5.126.670.491
Các khoản phải thu khác	(iii)	20.524.547.763	7.102.645.107
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	(iii)	3.747.016.205	3.602.924.588
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	(iv)	19.337.548.762	16.827.797.182
Tài sản dài hạn khác - Tiền nộp Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh	(iv)	10.046.379.713	10.026.232.365
		<b>8.254.630.977.287</b>	<b>5.955.937.605.706</b>

**(i) Tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**(ii) Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ**

Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các loại chứng khoán có tính thanh khoản cao (1) được niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc (2) đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra ngoài công chúng, ngoại trừ trường hợp đầu tư phục vụ mục đích chiến lược dài hạn được phê duyệt theo chính sách đầu tư của Công ty, và của các đối tác có xếp hạng tín nhiệm tương đương hoặc cao hơn so với Công ty.



**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTCK**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

**(iii) Các khoản cho vay, các khoản phải thu, phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp, các khoản phải thu khác, các khoản cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược**

*Ứng trước tiền bán chứng khoán*

Ứng trước tiền bán chứng khoán được thu hồi trực tiếp từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”). Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam là một đơn vị trực thuộc sở hữu Nhà nước và trực thuộc Bộ Tài chính có trách nhiệm theo dõi, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán và Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh để đảm bảo khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán. Rủi ro mất khả năng thanh toán của VSD được đánh giá là thấp, do đó, Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán là thấp.

*Cho vay giao dịch ký quỹ*

Theo quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành, Công ty có thể cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo quy định về giao dịch ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng ký quỹ. Công ty tuân thủ theo quy định về hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ tại Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 1 năm 2017 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành về quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ được phê duyệt và cập nhật thường xuyên bởi Bộ phận quản lý rủi ro giao dịch ký quỹ dựa trên một số tiêu chí bao gồm biến động và tính thanh khoản.

Bộ phận Dịch vụ Khách hàng có nhiệm vụ liên tục rà soát báo cáo giao dịch ký quỹ bao gồm dư nợ, giá trị tài sản đảm bảo và tỷ lệ ký quỹ duy trì. Theo đó, khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn tỷ lệ quy định (tỷ lệ này được xây dựng theo quy trình nội bộ của Công ty và không thấp hơn tỷ lệ 30% theo luật định), hệ thống thông tin của Công ty sẽ cảnh báo để Công ty xuất lệnh yêu cầu khách hàng ký quỹ bổ sung. Trong trường hợp khách hàng không đủ khả năng hoặc không ký quỹ bổ sung sau khi nhận được yêu cầu ký quỹ bổ sung, Công ty tiến hành thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 6.056.436 triệu VND (1/1/2021: 6.544.521 triệu VND).

*Các khoản phải thu, phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp, các khoản phải thu khác, các khoản cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được của khách hàng và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ các khoản phải thu này theo đúng điều khoản trong hợp đồng. Bên cạnh đó, các khoản phải thu của khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau. Do đó, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.



**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B09 - CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

Số liệu thể hiện mức độ tín dụng tối đa của Công ty, không tính đến tài sản đảm bảo hay hỗ trợ tín dụng, bao gồm:

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**

	<b>Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá VND</b>	<b>Đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá VND</b>	<b>Đã bị giảm giá VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Các khoản cho vay	5.100.625.676.171	-	550.965.657	5.101.176.641.828
<i>Cho vay giao dịch ký quỹ</i>	4.454.923.766.596	-	550.965.657	4.455.474.732.253
<i>Ứng trước tiền bán chứng khoán</i>	645.672.574.472	-	-	645.672.574.472
<i>Cho vay khác</i>	29.335.103	-	-	29.335.103
Các khoản phải thu	115.490.050.849	-	-	115.490.050.849
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	201.000.000	-	-	201.000.000
Các khoản phải thu khác	20.524.547.763	-	-	20.524.547.763
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	3.747.016.205	-	-	3.747.016.205
	<b>5.240.588.290.988</b>	<b>-</b>	<b>550.965.657</b>	<b>5.241.139.256.645</b>

**Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021**

	<b>Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá VND</b>	<b>Đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá VND</b>	<b>Đã bị giảm giá VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Các khoản cho vay	3.075.079.803.821	-	550.965.657	3.075.630.769.478
<i>Cho vay giao dịch ký quỹ</i>	3.026.591.429.514	-	550.965.657	3.027.142.395.171
<i>Ứng trước tiền bán chứng khoán</i>	48.454.960.977	-	-	48.454.960.977
<i>Cho vay khác</i>	33.413.330	-	-	33.413.330
Các khoản phải thu	78.916.461.597	-	-	78.916.461.597
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	5.126.670.491	-	-	5.126.670.491
Các khoản phải thu khác	7.102.645.107	-	-	7.102.645.107
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	3.602.924.588	-	-	3.602.924.588
	<b>3.169.828.505.604</b>	<b>-</b>	<b>550.965.657</b>	<b>3.170.379.471.261</b>

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTCK**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

**(iv) Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán và tiền nộp Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh**

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD do Trung Tâm Lưu Ký Chứng khoán Việt Nam ban hành ngày 22 tháng 5 năm 2014 về quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của kỳ liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ban hành ngày 23 tháng 3 năm 2017 về quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ cho giao dịch phái sinh (“Quỹ bù trừ”), Công ty phải đóng góp một khoản tiền tối thiểu ban đầu là 10 tỷ VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng tháng Trung tâm Lưu ký Chứng khoán sẽ thực hiện đánh giá quy mô Quỹ bù trừ và định giá lại giá trị tài sản đóng góp Quỹ bù trừ để xác định nghĩa vụ đóng góp của Công ty.

**(d) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính cố thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:



**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>
Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	4.985.427.615.579	5.025.373.226.111	5.025.373.226.111
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	7.969.326.324	7.969.326.324	7.969.326.324
Phải trả người bán ngắn hạn	421.526.552	421.526.552	421.526.552
Chi phí phải trả ngắn hạn	31.335.048.091	31.335.048.091	31.335.048.091
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	3.877.190.572	3.877.190.572	3.877.190.572
	<b>5.029.030.707.118</b>	<b>5.068.976.317.650</b>	<b>5.068.976.317.650</b>
<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>
Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	3.374.791.784.522	3.412.582.173.799	3.412.582.173.799
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	5.927.053.200	5.927.053.200	5.927.053.200
Phải trả người bán ngắn hạn	471.829.984	471.829.984	471.829.984
Chi phí phải trả ngắn hạn	25.448.844.151	25.448.844.151	25.448.844.151
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	368.242.675.324	368.242.675.324	368.242.675.324
	<b>3.774.882.187.181</b>	<b>3.812.672.576.458</b>	<b>3.812.672.576.458</b>

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

**(e) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc phân tích độ nhạy của các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty, đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết.

Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro tỷ giá hối đoái, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu.

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch liên quan tới các công cụ tài chính bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách thường xuyên theo dõi tình hình tỷ giá, cập nhật kế hoạch dòng tiền bằng ngoại tệ và ký kết các hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo đối với các khoản vay bằng ngoại tệ của Công ty.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được đánh giá là không trọng yếu.

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn và dài hạn, cho vay và vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất, mang lại lợi ích lớn nhất cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của Công ty.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTCK**  
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
 ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>		
<i>Tài sản tài chính</i>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	569.100.517.573	427.355.760.012
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	2.140.000.000.000	1.656.175.344.886
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	804.073.000.000	675.173.000.000
Các khoản cho vay	5.101.176.641.828	3.075.630.769.478
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	19.337.548.762	16.827.797.182
Tài sản dài hạn khác - Tiền nộp Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh	10.046.379.713	10.026.232.365
 <i>Nợ phải trả tài chính</i>		
Vay và nợ thuê TSTC ngắn hạn	(4.985.427.615.579)	(3.374.791.784.522)
	3.658.306.472.297	2.486.397.119.401

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các tài sản tài chính của Công ty đều có lãi suất cố định nên rủi ro lãi suất của Công ty được đánh giá là không trọng yếu.

**(iii) Rủi ro về giá cổ phiếu**

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ. Ban Tổng Giám đốc Công ty theo dõi các cổ phiếu niêm yết trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và được Hội đồng Đầu tư của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định mua và bán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá thị trường của các cổ phiếu niêm yết của Công ty là 934.274.594 VND. Nếu giá thị trường của các chứng khoán này tăng hoặc giảm 10% tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế trong năm của Công ty sẽ tăng hoặc giảm 74.741.968 VND.



**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B09 - CTCK**  
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC  
 ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	37.393.497.922	427.291.830.983
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	1.707.019.651	63.929.029
Các khoản tương đương tiền (*)	530.000.000.000	-
	569.100.517.573	427.355.760.012

(\*) Phản ánh các khoản tiền gửi tại ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng và hưởng mức lãi suất năm từ 3,0% – 3,6% (1/1/2021: không có).

**6. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm**

	2021		2020	
	Khối lượng giao dịch thực hiện Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện VND
Của Công ty				
▪ Cổ phiếu	32.099.125	612.905.429.000	54.559	679.644.600
▪ Trái phiếu	-	-	49.153.962	5.049.628.709.012
Của Nhà đầu tư				
▪ Cổ phiếu	10.482.174.498	267.300.449.971.180	5.687.832.476	90.900.662.750.430
▪ Trái phiếu	20.280.000	2.283.997.180.000	19.997.597	2.047.180.999.135
	10.534.553.623	270.197.352.580.180	5.757.038.594	97.998.152.103.177



**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

**7. Các loại tài sản tài chính**

**(a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ**

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UpCom</b>				
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cảng Hàng không Việt Nam	2.114.181	2.309.400	78.309.295	83.181.856
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hàng không VIETJET	11.235.140	14.152.000	2.063.846	2.125.000
Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam	32.100.002	34.440.000	-	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vinhomes	40.228.570	42.838.600	-	-
Cổ phiếu của Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	706.279.288	840.534.594	21.730.625	26.010.044
Các cổ phiếu khác				
	791.957.181	934.274.594	102.103.766	111.316.900

**Chứng chỉ tiền gửi**

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam  
 Ngân hàng TMCP Quân đội  
 Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

1.680.000.000.000	1.680.000.000.000	1.305.175.344.886	1.305.175.344.886
360.000.000.000	360.000.000.000	-	-
100.000.000.000	100.000.000.000	351.000.000.000	351.000.000.000
2.140.000.000.000	2.140.000.000.000	1.656.175.344.886	1.656.175.344.886
2.140.791.957.181	2.140.934.274.594	1.656.277.448.652	1.656.286.661.786

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các chứng chỉ tiền gửi có giá trị 1.680.000 triệu VND (1/1/2021: 1.624.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (Thuyết minh 16).

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC*  
*ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

**(b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán**

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Capella	897.376.000	(*)	897.376.000	(*)

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**(c) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn</b>		
Tiền gửi có kỳ hạn tại:		
▪ Ngân hàng TMCP Á Châu	75.000.000.000	75.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	201.173.000.000	201.173.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	255.000.000.000	255.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	2.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	102.000.000.000	90.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Quân đội	2.000.000.000	2.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Việt Á	50.000.000.000	50.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	18.900.000.000	-
▪ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	100.000.000.000	-
	804.073.000.000	675.173.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản đầu tư có giá trị 685.900 triệu VND (1/1/2021: 569.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (Thuyết minh 16).

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B09 - CTCK**  
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC  
 ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

**(d) Các khoản cho vay**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Cho vay giao dịch ký quỹ	4.455.474.732.253	3.027.142.395.171
Ứng trước tiền bán chứng khoán	645.672.574.472	48.454.960.977
Cho vay khác	29.335.103	33.413.330
	5.101.176.641.828	3.075.630.769.478

**(e) Tình hình biến động giá trị thị trường của TSTC ghi nhận theo giá trị hợp lý**

**Tại ngày 31 tháng  
12 năm 2021**

	Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu	791.957.181	160.453.875	(18.136.462)	934.274.594
Chứng chỉ tiền gửi	2.140.000.000.000	-	-	2.140.000.000.000
	2.140.791.957.181	160.453.875	(18.136.462)	2.140.934.274.594

**Tại ngày 31 tháng  
12 năm 2020**

	Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu	102.103.766	10.872.778	(1.659.644)	111.316.900
Chứng chỉ tiền gửi	1.656.175.344.886	-	-	1.656.175.344.886
	1.656.277.448.652	10.872.778	(1.659.644)	1.656.286.661.786

**8. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính**

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm và cuối năm	550.965.657	550.965.657

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B09 - CTCK**  
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
 ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

**9. Các khoản phải thu**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>Phải thu bán các tài sản tài chính</b>	-	30.441.200
<b>Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính</b>		
▪ Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi	89.085.092.093	62.540.539.251
▪ Dự thu lãi các khoản cho vay	26.404.958.756	16.345.481.146
	115.490.050.849	78.886.020.397
<b>Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp</b>		
▪ Phải thu về nghiệp vụ tư vấn	201.000.000	5.126.670.491
<b>Các khoản phải thu khác</b>		
▪ Phải thu khách hàng giao dịch chứng khoán	3.019.087.903	4.018.916.317
▪ Phải thu về nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.030.208.443	1.107.222.556
▪ Phải thu từ bên liên quan	2.975.499.186	880.698.314
▪ Phải thu từ các hợp đồng phái sinh	5.072.857.144	-
▪ Phải thu sản phẩm thanh toán	7.722.927.742	-
▪ Phải thu khác	703.967.345	1.095.807.920
	20.524.547.763	7.102.645.107
	136.215.598.612	91.145.777.195



**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B09 - CTCK**  
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
 ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

**10. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí công nghệ thông tin cho việc vận hành hệ thống giao dịch	2.446.958.619	3.784.671.329
Tiền thuê văn phòng	-	1.049.547.159
Chi phí bảo trì phần mềm giao dịch	1.217.367.049	2.330.988.604
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	446.021.605	149.550.730
	<hr/>	<hr/>
	4.110.347.273	7.314.757.822
	<hr/>	<hr/>

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí cải tạo văn phòng	1.914.680.243	3.997.955.217
Chi phí vật dụng văn phòng	1.787.891.744	3.112.693.801
Chi phí bảo trì phần mềm giao dịch	182.744.100	86.779.173
Chi phí công nghệ thông tin cho việc vận hành hệ thống giao dịch	1.716.343.804	63.210.170
Chi phí trả trước dài hạn khác	231.037.176	38.854.900
	<hr/>	<hr/>
	5.832.697.067	7.299.493.261
	<hr/>	<hr/>

**11. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đặt cọc thuê văn phòng	3.058.974.235	3.087.430.988
Đặt cọc thuê nhà cho chuyên gia	299.958.750	209.553.600
Đặt cọc khác	373.083.220	290.940.000
	<hr/>	<hr/>
	3.732.016.205	3.587.924.588
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B09 - CTCK**  
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
 ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

**12. Tài sản cố định hữu hình**

	Thiết bị văn phòng	
	2021 VND	2020 VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	31.072.192.855	29.075.956.855
Mua trong năm	245.960.000	1.996.236.000
Số dư cuối năm	31.318.152.855	31.072.192.855
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	20.719.351.150	15.035.210.286
Khấu hao trong năm	4.533.834.035	5.684.140.864
Số dư cuối năm	25.253.185.185	20.719.351.150
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu năm	10.352.841.705	14.040.746.569
Số dư cuối năm	6.064.967.670	10.352.841.705

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 9.557 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 3.944 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B09 - CTCK**  
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
 ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

**13. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính</b>	
	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	31.706.732.915	26.430.922.915
Mua trong năm	633.979.000	5.275.810.000
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	32.340.711.915	31.706.732.915
	<hr/>	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	16.604.486.363	12.355.326.128
Khấu hao trong năm	4.689.451.190	4.249.160.235
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	21.293.937.553	16.604.486.363
	<hr/>	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu năm	15.102.246.552	14.075.596.787
Số dư cuối năm	11.046.774.362	15.102.246.552

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản cố nguyên giá 17.164 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 8.603 triệu VND)

**14. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán**

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của kỳ liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	14.639.070.697	13.192.467.631
Tiền lãi	4.578.478.065	3.515.329.551
	<hr/>	<hr/>
	19.337.548.762	16.827.797.182

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	16.827.797.182	13.274.400.248
Tiền nộp thêm trong năm	1.446.603.066	1.729.604.381
Lãi nhận được trong năm	1.063.148.514	1.823.792.553
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	19.337.548.762	16.827.797.182

## 15. Tài sản dài hạn khác

Công ty là thành viên bù trừ trực tiếp tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Giấy chứng nhận thành viên bù trừ số 16/GCNTVBT do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ban hành ngày 9 tháng 9 năm 2019. Công ty đã đóng góp một khoản tiền ban đầu cho Quỹ bù trừ cho giao dịch phái sinh với giá trị là 10 tỷ VND, tương đương mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 10 tỷ VND đối với thành viên bù trừ trực tiếp theo Quy chế Quản lý và Sử dụng Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh ban hành kèm Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Hàng tháng, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam sẽ thực hiện đánh giá quy mô Quỹ bù trừ và định giá lại giá trị tài sản đóng góp Quỹ bù trừ để xác định nghĩa vụ đóng góp của thành viên bù trừ.

	<b>31/12/2021</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2021</b> <b>VND</b>
Tiền nộp ban đầu	10.000.000.000	10.000.000.000
Tiền lãi	46.379.713	26.232.365
	<hr/>	<hr/>
	10.046.379.713	10.026.232.365

Biến động tiền nộp Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh trong năm như sau:

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	10.026.232.365	10.000.000.000
Lãi nhận được trong năm	20.147.348	26.232.365
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	10.046.379.713	10.026.232.365



**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTCK**  
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC  
 ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

**16. Vay ngắn hạn**

	Biến động trong năm		
	1/1/2021 VND	Tăng VND	Giảm VND
			31/12/2021 VND
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>			
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	500.000.000.000	2.615.000.000.000	(2.608.000.000.000)
▪ Ngân hàng Kookmin - Chi nhánh Tokyo	1.112.480.000.000	-	-
▪ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	366.000.000.000	5.493.997.144.347	(5.611.999.528.768)
▪ Ngân hàng Sumitomo Mitsui	464.399.628.480	915.450.000.000	(464.399.628.480)
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam			
- Chi nhánh Hà Thành	685.912.156.042	1.827.000.099.886	(2.012.912.255.928)
▪ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	200.000.000.000	2.071.000.000.000	(1.871.000.000.000)
▪ Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	46.000.000.000	450.000.000.000	(296.000.000.000)
▪ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	-	200.000.000.000	-
▪ Ngân hàng TNHH Indovina	-	1.260.000.000.000	(1.070.000.000.000)
▪ Ngân hàng DEAGUBANK	-	360.000.000.000	(240.000.000.000)
▪ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	-	330.000.000.000	(330.000.000.000)
▪ Ngân hàng Kookmin Bank – Chi nhánh Hà Nội	-	333.000.000.000	-
▪ Ngân hàng TMCP Quân đội	-	228.500.000.000	(128.500.000.000)
▪ Ngân hàng Nonghyup Việt Nam	-	110.000.000.000	-
▪ Ngân hàng TMCP Việt Á	-	49.500.000.000	-
	<b>3.374.791.784.522</b>	<b>16.243.447.244.233</b>	<b>(14.632.811.413.176)</b>
			<b>4.985.427.615.579</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản vay được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại ngân hàng có giá trị 685.900 triệu VND và chứng chỉ tiền gửi trị giá 1.680.000 triệu VND (1/1/2021: các khoản vay được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại ngân hàng có giá trị 569.000 triệu VND và chứng chỉ tiền gửi trị giá 1.624.000 triệu VND).

Các khoản vay trên chịu lãi suất năm từ 0,92% đến 7,93% (1/1/2021: từ 1,02% đến 7,10%).

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B09 - CTCK**  
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC  
 ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

**17. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	6.098.498.070	3.938.574.989
Phải trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	1.354.285.494	1.434.767.360
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	516.542.760	553.710.851
	7.969.326.324	5.927.053.200

**18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2021 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.286.314.899	60.327.502.120	(61.195.963.709)	15.417.853.310
Thuế thu nhập cá nhân	2.736.935.074	37.552.712.836	(36.196.898.158)	4.092.749.752
Thuế giá trị gia tăng	488.126.540	721.580.662	(1.028.103.226)	181.603.976
Thuế nhà thầu nước ngoài	325.435.154	2.882.540.247	(2.926.564.941)	281.410.460
Thuế thu nhập cá nhân giao dịch chứng khoán nộp hộ khách hàng	10.715.590.761	155.628.061.675	(147.062.277.809)	19.281.374.627
	30.552.402.428	257.112.397.540	(248.409.807.843)	39.254.992.125

**19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Lãi dự trả cho các hợp đồng vay	19.502.736.520	24.925.242.431
Phí bảo lãnh phải trả cho công ty mẹ	3.947.299.893	-
Dự chi lương nhân viên	7.169.507.378	-
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	715.504.300	523.601.720
	31.335.048.091	25.448.844.151

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B09 - CTCK**  
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
 ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

**20. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức trả hộ	-	2.265.071.960
Phải trả Nhà đầu tư (i)	5.716.983.133	1.422.315.301
Phải trả khác	3.845.190.572	365.977.603.364
	<hr/>	<hr/>
	9.562.173.705	369.664.990.625
	<hr/>	<hr/>

- (i) Số dư thể hiện các giao dịch gửi tiền của Nhà đầu tư vào thời điểm cuối ngày kết thúc kỳ kế toán năm chưa được ghi nhận vào tài khoản tiền gửi của Nhà đầu tư tại Công ty.

**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho cán bộ và nhân viên theo quy chế khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	1.132.240.745	110.931.059
Trích lập trong năm (Thuyết minh 22(c))	3.338.079.734	2.096.815.155
Sử dụng trong năm	(3.553.209.500)	(1.075.505.469)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	917.110.979	1.132.240.745
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B09 - CTCK**  
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
 ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

**22. Vốn góp của chủ sở hữu**

**(a) Số lượng cổ phiếu**

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>	300.168.613	3.001.686.130.000	167.502.090	1.675.020.900.000
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	300.168.613	3.001.686.130.000	167.502.090	1.675.020.900.000

Cổ phiếu phổ thông của Công ty có mệnh giá 10.000 VND và tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được quyền nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Các cổ phiếu phổ thông có thứ tự ưu tiên như nhau liên quan đến việc chia tài sản còn lại của Công ty.

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Chứng khoán KB	299.596.020	99,81%	166.997.040	99,70%
Các cổ đông khác	572.593	0,19%	505.050	0,30%
	300.168.613	100,00%	167.502.090	100,00%

**(c) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	460.285.417.867	305.962.322.089
Lợi nhuận sau thuế trong năm	240.632.522.489	166.903.986.707
Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	(8.345.199.335)	(5.242.037.887)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	(8.345.199.335)	(5.242.037.887)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 21)	(3.338.079.734)	(2.096.815.155)
Số dư cuối năm	680.889.461.952	460.285.417.867



**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B09 - CTCK**  
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
 ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

**23. Các tài khoản ngoại bảng**

**(a) Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK**

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
Dưới 1 năm	24.314	243.140.000	2.994	29.940.000

**(b) Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK**

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
Hơn 1 năm	33.600	336.000.000	33.600	336.000.000

**(c) Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư**

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	887.925.128	8.879.251.280.000	906.129.475	9.061.294.750.000
TSTC hạn chế chuyển nhượng	26.224.188	262.241.880.000	26.741.119	267.411.190.000
TSTC giao dịch cầm cố	51.851.161	518.511.610.000	51.939.265	519.392.650.000
TSTC phong tỏa, tạm giữ	29.766.589	297.665.890.000	29.766.589	297.665.890.000
TSTC chờ thanh toán	40.041.788	400.417.880.000	30.595.581	305.955.810.000
	<b>1.035.808.854</b>	<b>10.358.088.540.000</b>	<b>1.045.172.029</b>	<b>10.451.720.290.000</b>

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(tiếp theo)

**Mẫu B09 - CTCK**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

**(d) Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư**

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	9.744.932	97.449.320.000	8.670.160	86.701.600.000
TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	79.390	793.900.000	-	-
	9.824.322	98.243.220.000	8.670.160	86.701.600.000

**(e) Tiền gửi của Nhà đầu tư**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.510.942.114.241	1.168.591.117.050
Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD	107.715.504.733	95.316.775.469
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	177.662.655.879	16.553.521.114
▪ Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	143.756.855.403	66.480.223
▪ Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	33.905.800.476	16.487.040.891
	1.796.320.274.853	1.280.461.413.633

**(f) Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
▪ Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.767.785.837.922	976.867.129.146
▪ Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	21.505.673.355	307.314.759.950
	1.789.291.511.277	1.284.181.889.096

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTCK**  
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC  
 ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

**24. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

**(a) Lãi bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ**

	Số lượng bán	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân VND	Lãi bán chứng khoán năm 2021 VND	Lãi bán chứng khoán năm 2020 VND
Cổ phiếu niêm yết	3.179.525	1.558.596	4.955.595.517.550	1.558.013	1.854.018.121	210.290.299
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-	4.202.800
Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-	-	1.937.470.046
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-	5.394.975.401
Chứng chỉ tiền gửi	906.008	8.912.600	8.074.886.570.282	8.909.380	2.916.704.410	37.569.324.742
	4.085.533		13.030.482.087.832		4.770.722.531	45.116.263.288

**(b) Lỗ bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ**

	Số lượng bán	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân VND	Lỗ bán chứng khoán năm 2021 VND	Lỗ bán chứng khoán năm 2020 VND
Cổ phiếu niêm yết	114.992	16.655	1.915.172.900	17.744	(125.265.674)	(20.651.039)
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-	(4.323.836)
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-	(191.468.220)
Chứng chỉ tiền gửi	206.939	23.369.825	4.836.128.144.254	23.374.952	(1.061.038.141)	(1.803.777.954)
	321.931		4.838.043.317.154		(1.186.303.815)	(2.020.221.049)

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTCK**  
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC  
 ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

**25. Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ**

	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại năm kết thúc ngày 31/12/2021 VND	Chênh lệch đánh giá lại năm kết thúc ngày 31/12/2020 VND	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2021 VND
<b>Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ</b>					
Cổ phiếu niêm yết	791.957.181	934.274.594	142.317.413	9.213.134	133.104.279
Chứng chỉ tiền gửi	2.140.000.000.000	2.140.000.000.000	-	-	-
	2.140.791.957.181	2.140.934.274.594	142.317.413	9.213.134	133.104.279

**Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động**

Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính  
 ghi nhận thông qua lãi/lỗ  
 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính  
 ghi nhận thông qua lãi/lỗ

Lợi nhuận chưa thực hiện trong năm

149.581.098  
 (16.476.819)

133.104.279



**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

**26. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	70.596.013.558	38.401.809.288
Từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	75.968.391.756	166.593.207.956
Từ các khoản cho vay	376.800.924.301	221.738.047.617
▪ Cho vay ký quỹ	316.236.537.991	198.308.788.180
▪ Ứng trước tiền bán chứng khoán	60.564.386.310	23.429.259.437
	<hr/>	<hr/>
	523.365.329.615	426.733.064.861
	<hr/>	<hr/>

**27. Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	393.854.703.826	141.285.948.408
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	2.655.454.547	10.578.613.635
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	944.125.000	7.513.769.997
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	5.036.982.441	6.623.984.732
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	1.200.000.000	113.636.363
Thu nhập hoạt động khác	4.819.785.070	2.815.958.157
	<hr/>	<hr/>
	408.511.050.884	168.931.911.292
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

**28. Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		
▪ Chi phí nhân viên	243.056.920.637	92.510.987.922
▪ Chi phí khấu hao	9.223.285.225	9.933.301.099
▪ Chi phí dịch vụ giao dịch chứng khoán	75.434.048.950	30.277.732.165
▪ Chi phí công cụ, dụng cụ	2.115.232.325	14.153.992.259
▪ Chi phí thuê văn phòng	11.753.440.327	13.893.419.377
▪ Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.676.446.334	7.252.755.254
	<hr/> 369.259.373.798	<hr/> 168.022.188.076
Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	6.564.473.476	10.052.907.319
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	2.333.944.495	7.140.371.697
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	6.216.458.451	6.502.796.887
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	2.966.485.787	107.989.181
	<hr/> 387.340.736.007	<hr/> 191.826.253.160

**29. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi ngân hàng không cố định**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.480.432.698	4.196.576.955

**30. Chi phí quản lý công ty chứng khoán**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	28.934.888.380	27.356.417.532
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	1.270.185.500	1.130.903.000
Chi phí vật tư, văn phòng	788.288.799	2.371.928.975
Chi phí công cụ, dụng cụ	942.519.521	934.965.711
Chi phí thuế và lệ phí	63.868.900	4.314.445
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.334.634.760	6.141.817.520
Chi phí khác	5.344.882.730	4.350.091.741
	<hr/> 46.679.268.590	<hr/> 42.290.438.924

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

**31. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	60.417.853.310	39.864.390.805
Dự phòng thừa năm trước	(90.351.190)	(9.480.762.379)
	<hr/> 60.327.502.120	<hr/> 30.383.628.426
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	29.916.220	(511.206)
	<hr/> 60.357.418.340	<hr/> 30.383.117.220

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	300.989.940.829	197.287.103.927
	<hr/> 60.197.988.166	<hr/> 39.457.420.785
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	249.781.364	406.458.814
Chi phí không được khấu trừ thuế	(90.351.190)	(9.480.762.379)
Dự phòng thừa năm trước	<hr/> 60.357.418.340	<hr/> 30.383.117.220

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTCK**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
 ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

**32. Các số dư và giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

**(a) Số dư với các bên liên quan**

	Số dư tại ngày	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
<i>Công ty TNHH Chứng khoán KB</i>		
Phải thu khác	2.751.363.186	880.698.314
Phải thu doanh thu nghiên cứu	224.136.000	207.135.000
Phí bảo lãnh phải trả	3.947.299.893	-
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<i>Ngân hàng Kookmin – Chi nhánh Hà Nội</i>		
Vay ngắn hạn	333.000.000.000	-
Lãi vay phải trả	538.095.890	-
Tiền gửi không kỳ hạn	132.602.093	-
<i>Ngân hàng Kookmin – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh</i>		
Tiền gửi không kỳ hạn	82.636.023	33.722.998
<i>Ngân hàng Kookmin – Chi nhánh Tokyo</i>		
Vay ngắn hạn	1.112.480.000.000	1.112.480.000.000
Lãi vay phải trả	1.571.160.433	1.663.455.237



**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTCK**

*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

**(b) Giao dịch với các bên liên quan**

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Công ty TNHH Chứng khoán KB</b>		
Nhận vốn góp	1.325.989.800.000	-
Phí bảo lãnh	8.525.088.000	559.028.860
Các khoản trả hộ	1.870.664.872	1.461.069.506
Doanh thu dịch vụ tư vấn nghiên cứu	902.682.000	833.265.000
Doanh thu phí giao dịch	1.580.265.832	-
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Ngân hàng Kookmin – Chi nhánh Tokyo</b>		
Chi phí lãi vay phát sinh trong năm	21.420.544.814	19.971.324.551
Vay trong năm	-	184.540.000.000
<b>Ngân hàng Kookmin – Chi nhánh Hồng Kông</b>		
Hoàn trả gốc vay ngắn hạn	-	170.325.000.000
Chi phí lãi vay phát sinh trong năm	-	3.974.330.752
<b>Ngân hàng Kookmin – Chi nhánh Hà Nội</b>		
Chi phí lãi phát sinh trong kỳ	7.961.479.454	-
Vay trong năm	333.000.000.000	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	68.532	-
<b>Ngân hàng Kookmin – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh</b>		
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	70.155	60.926
<b>Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát</b>		
Thù lao Hội đồng Quản trị	600.714.286	672.804.348
Thù lao Ban Kiểm soát	84.000.000	36.000.000
Lương thưởng Ban Tổng Giám đốc	3.705.941.966	3.643.129.891

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTCK**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

**33. Cam kết thuê hoạt động**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	3.380.943.264	8.718.793.757
Từ 2 đến 5 năm	281.509.910	-

**34. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Hà Thanh Hòa  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Jeon Mun Cheol  
Quyền Tổng Giám đốc

